

Số: /2019/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy
và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Công an nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2018;

*Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng
11 năm 2013;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an,

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật
Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng
cháy và chữa cháy.*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về hoạt động phòng cháy và chữa cháy, tổ chức lực lượng, phương tiện phòng cháy và chữa cháy, đầu tư cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy, trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, hộ gia đình trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động phòng cháy và chữa cháy tại Việt Nam.

Điều 3. Phụ lục

Ban hành kèm theo Nghị định này các phụ lục sau đây:

- Phụ lục I: Danh mục cơ sở thuộc diện quản lý về phòng cháy và chữa cháy.
- Phụ lục II: Danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ.
- Phụ lục III: Danh mục cơ sở do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.
- Phụ lục IV: Danh mục cơ sở thuộc diện phải thông báo với cơ quan Công an về việc bảo đảm các điều kiện an toàn phòng cháy và chữa cháy trước khi đưa vào sử dụng.

5. Phụ lục V: Danh mục dự án, công trình thuộc diện thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.

6. Phụ lục VI: Danh mục phương tiện, trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

7. Phụ lục VII: Quy cách cờ hiệu, biển báo và băng sử dụng trong chữa cháy.

8. Phụ lục VIII: Biểu mẫu sử dụng trong công tác quản lý về phòng cháy và chữa cháy.

Chương II PHÒNG CHÁY

Điều 4. Cơ sở thuộc diện quản lý về phòng cháy và chữa cháy

1. Cơ sở là công trình độc lập do một cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý được quy định tại khoản 3 Điều 3 Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2001, được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2013 (sau đây gọi chung là Luật Phòng cháy và chữa cháy) quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. Cơ quan, tổ chức có thể có một hoặc nhiều cơ sở.

2. Cơ sở quy định tại khoản 1 Điều này thuộc diện quản lý về phòng cháy và chữa cháy. Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức được giao quản lý trong phạm vi cơ sở đó phải thực hiện trách nhiệm phòng cháy và chữa cháy thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

Điều 5. Điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với cơ sở

1. Cơ sở thuộc danh mục quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này phải bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy sau đây:

a) Có quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn phù hợp với đặc điểm và tính chất hoạt động của cơ sở.

b) Có lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, chuyên ngành được huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy và tổ chức thường trực sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ theo quy định;

c) Có phương án chữa cháy được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Hệ thống điện, chống sét, chống tĩnh điện; thiết bị sử dụng điện, sinh lửa, sinh nhiệt; việc sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt phải bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm hoạt động của cơ sở;

đ) Có hệ thống giao thông, cấp nước, thông tin liên lạc phục vụ chữa cháy, hệ thống báo cháy, chữa cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy khác, phương tiện cứu người phù hợp với tính chất, đặc điểm của cơ

sở bảo đảm về số lượng, chất lượng và hoạt động phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy hoặc theo quy định của Bộ Công an.

e) Có văn bản thẩm duyệt, chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an có thẩm quyền đối với dự án, công trình thuộc danh mục quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

g) Có hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy và chữa cháy theo quy định của Bộ Công an.

2. Cơ sở quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này phải bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy sau đây:

a) Các điều kiện theo quy định tại các điểm a, d, đ, g và điểm e (nếu có) khoản 1 Điều này;

b) Có quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy. Người làm nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy phải được huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy theo quy định.

3. Cơ quan, tổ chức được bố trí độc lập trong phạm vi cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này phải bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy sau đây:

a) Điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Thiết bị sử dụng điện, sinh lửa, sinh nhiệt; việc sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt phải bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

4. Điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này phải được tổ chức thực hiện và duy trì trong suốt quá trình hoạt động.

Điều 6. Điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với khu dân cư

1. Khu dân cư là nơi sinh sống của cá nhân, hộ gia đình được bố trí trên phạm vi thôn, xóm, làng, bản, ấp, buôn, phum, sóc, khóm, tổ dân phố và đơn vị dân cư tương đương (gọi chung là thôn). Một thôn được xác định là một khu dân cư thuộc diện quản lý về phòng cháy và chữa cháy. Cơ sở hoạt động trong khu dân cư phải bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định.

2. Khu dân cư phải bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy sau đây:

a) Có quy định, nội quy về phòng cháy và chữa cháy, về sử dụng điện, sử dụng lửa và các chất dễ cháy, nổ phù hợp với đặc điểm và tính chất hoạt động của khu dân cư;

b) Có hệ thống giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, giải pháp chống cháy lan, phương tiện phòng cháy và chữa cháy bảo đảm số lượng và chất lượng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy hoặc theo quy định của Bộ Công an;

c) Có phương án chữa cháy đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (Mẫu số PC11);

d) Có lực lượng dân phòng được huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy và tổ chức thường trực sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ;

đ) Có văn bản thẩm duyệt, chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an có thẩm quyền đối với khu dân cư thuộc danh mục quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

e) Có hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy và chữa cháy theo quy định của Bộ Công an.

Điều 7. Điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với hộ gia đình

1. Hộ gia đình phải bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy sau đây:

a) Nơi đun nấu, nơi thờ cúng, nơi có sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị sinh lửa, sinh nhiệt, hệ thống điện, thiết bị sử dụng điện phải bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy;

b) Tài sản, vật tư, chất cháy phải được bố trí, sắp xếp, bảo quản và sử dụng đúng quy định an toàn về phòng cháy và chữa cháy;

c) Có phương tiện chữa cháy phù hợp với đặc điểm hoạt động và điều kiện của từng hộ gia đình.

2. Hộ gia đình trực tiếp sinh sống kết hợp với sản xuất, kinh doanh phải bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy sau đây:

a) Các điều kiện theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này;

b) Có nội quy về phòng cháy và chữa cháy, về sử dụng điện, sử dụng lửa và các chất dễ cháy, nổ phù hợp với đặc điểm và tính chất hoạt động của hộ gia đình;

c) Có giải pháp ngăn cháy lan, thoát nạn giữa khu vực sinh sống với khu vực sản xuất, kinh doanh; có phương tiện phòng cháy và chữa cháy bảo đảm số lượng và chất lượng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy hoặc theo quy định của Bộ Công an;

d) Có quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy. Người làm nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy phải được huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy theo quy định;

đ) Có hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy và chữa cháy theo quy định của Bộ Công an.

Điều 8. Phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện giao thông cơ giới

1. Phương tiện giao thông cơ giới kinh doanh vận tải, phương tiện giao thông cơ giới đường bộ từ 10 chỗ ngồi trở lên, phương tiện thủy nội địa, phương

tiện giao thông đường sắt vận chuyển hành khách, chất, hàng nguy hiểm cháy, nổ, phương tiện giao thông cơ giới vận chuyển chất, hàng hóa nguy hiểm cháy, nổ và các phương tiện quy định tại khoản 3 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có nội quy, biển cấm, biển báo về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn phù hợp với đặc điểm, tính chất hoạt động của phương tiện;

b) Hệ thống điện, nhiên liệu, vật tư, hàng hóa bố trí, sắp xếp trên phương tiện phải bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy;

c) Có phương tiện chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm hoạt động của phương tiện, bảo đảm về số lượng, chất lượng và hoạt động theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy hoặc theo quy định của Bộ Công an;

d) Có văn bản thẩm duyệt, chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an có thẩm quyền đối với phương tiện thuộc danh mục quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

đ) Có quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy và tổ chức thường trực sẵn sàng chữa cháy phù hợp với yêu cầu chữa cháy tại chỗ.

2. Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ từ 04 chỗ ngồi đến dưới 10 chỗ ngồi phải bảo đảm điều kiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

3. Phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy, gồm phương tiện thủy nội địa, phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, phương tiện giao thông cơ giới đường sắt vận chuyển chất, hàng nguy hiểm cháy, nổ phải bảo đảm và duy trì các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy sau đây:

a) Động cơ của phương tiện phải được cách ly với khoang chứa hàng bằng vật liệu không cháy hoặc buồng (khoang) đệm theo quy định;

b) Ống xả của động cơ phải được đặt ở vị trí kín hoặc được che chắn, bảo đảm an toàn về cháy, nổ;

c) Hệ thống điện phải bảo đảm yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy, phòng nổ theo quy định;

d) Sàn, kết cấu của khoang chứa hàng và các khu vực khác của phương tiện nằm trong vùng nguy hiểm cháy, nổ phải làm bằng vật liệu không cháy hoặc khó cháy và không phát sinh tia lửa do ma sát;

đ) Có văn bản thẩm duyệt, chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an có thẩm quyền đối với phương tiện thuộc danh mục quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

e) Phương tiện giao thông đường bộ chở chất lỏng nguy hiểm về cháy, nổ phải có dây tiếp đất;

g) Có phương tiện chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm hoạt động của phương tiện, bảo đảm về số lượng, chất lượng và hoạt động theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy hoặc theo quy định của Bộ Công an;

h) Bảo đảm điều kiện an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định;

i) Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, phương tiện giao thông đường sắt phải có biểu trưng chất, hàng nguy hiểm cháy, nổ (Mẫu số PC03) ở kính phía trước và hai bên thành phương tiện trong suốt quá trình vận chuyển;

k) Phương tiện thủy nội địa, ban ngày phải cắm cờ báo hiệu chữ “B”, ban đêm phải có đèn báo hiệu phát sáng màu đỏ trong suốt quá trình vận chuyển. Quy cách, tiêu chuẩn cờ, đèn báo hiệu theo quy định của Bộ Giao thông vận tải;

l) Có quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy và tổ chức thường trực sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ.

4. Phương tiện giao thông cơ giới khi vận chuyển chất, hàng nguy hiểm cháy, nổ trên đường thủy nội địa, đường sắt, đường bộ phải có giấy phép vận chuyển chất, hàng nguy hiểm cháy, nổ do cơ quan Công an có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm, trên đường thủy nội địa, đường sắt, đường bộ, trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Quốc phòng.

5. Điều kiện đối với người điều khiển phương tiện, người làm việc, người phục vụ trên phương tiện vận chuyển hành khách và vận chuyển chất, hàng nguy hiểm cháy, nổ:

a) Người điều khiển phương tiện phải có giấy phép điều khiển phương tiện theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa, đường sắt, đường bộ;

b) Người điều khiển phương tiện, người làm việc, người phục vụ trên phương tiện giao thông cơ giới vận chuyển hành khách có từ 30 chỗ ngồi trở lên và phương tiện giao thông cơ giới vận chuyển chất, hàng nguy hiểm cháy, nổ phải có giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy do cơ quan Công an có thẩm quyền cấp.

Điều 9. Cấp giấy phép vận chuyển chất, hàng nguy hiểm cháy, nổ

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép

a) Văn bản đề nghị cấp giấy phép vận chuyển chất, hàng nguy hiểm cháy, nổ (Mẫu số PC01);

b) Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện; giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện thủy nội địa; giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo

vệ môi trường đối với phương tiện giao thông đường sắt; giấy chứng nhận kiểm định bao bì, thùng, xi téc chứa chất, hàng nguy hiểm cháy, nổ theo quy định (nếu có); kế hoạch, hợp đồng vận chuyển chất, hàng nguy hiểm cháy, nổ.

Văn bản, giấy tờ quy định tại điểm này là bản sao có công chứng, chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu.

2. Trình tự, thủ tục nộp, tiếp nhận hồ sơ và cấp giấy phép

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này cho cơ quan của người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này. Người được cơ quan, tổ chức cử đến liên hệ nộp hồ sơ phải có giấy giới thiệu hoặc giấy ủy quyền, xuất trình thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng.

b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung hồ sơ đề nghị và thực hiện theo trình tự sau:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì tiếp nhận và ghi thông tin vào 02 bản Phiếu tiếp nhận hồ sơ (Mẫu số PC10), 01 bản trả cho người nộp hồ sơ và lưu 01 bản. Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc bộ phận hành chính công thì gửi Phiếu tiếp nhận hồ sơ đến địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi hồ sơ trước đó;

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định và ghi thông tin vào Phiếu hướng dẫn, bổ sung hồ sơ (Mẫu số PC29) và giao cho người đến nộp hồ sơ. Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc bộ phận hành chính công thì gửi Phiếu hướng dẫn, bổ sung hồ sơ đến địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi hồ sơ trước đó;

- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì không tiếp nhận, phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều này có trách nhiệm tổ chức kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện theo các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định này và xem xét, cấp giấy phép vận chuyển chất, hàng nguy hiểm cháy, nổ (Mẫu số PC02). Trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

3. Thẩm quyền cấp giấy phép: Trưởng phòng Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh cấp giấy phép vận chuyển chất cháy, hàng nguy hiểm cháy, nổ cho phương tiện của cơ quan, tổ chức, cá nhân có trụ sở hoạt động, cư trú trên địa bàn quản lý.

4. Giấy phép vận chuyển chất, hàng nguy hiểm cháy, nổ có hiệu lực trên toàn quốc và có giá trị một lần đối với phương tiện có hợp đồng vận chuyển theo chuyên; có giá trị không quá 12 tháng đối với phương tiện vận chuyển chất, hàng nguy hiểm cháy, nổ theo kế hoạch hoặc hợp đồng vận chuyển và không vượt quá thời hạn còn lại của giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo

vệ môi trường (đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ), giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (đối với phương tiện thủy nội địa), giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (đối với phương tiện giao thông đường sắt).

Điều 10. Điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với nhà khung thép mái tôn

Nhà khung thép mái tôn có diện tích vượt quá diện tích khoang ngăn cháy theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy phải bảo đảm các điều kiện sau:

1. Có giải pháp chống cháy lan bằng kết cấu xây dựng hoặc hệ thống phòng cháy và chữa cháy.
2. Có giải pháp tăng giới hạn chịu lửa của cấu kiện xây dựng chủ yếu theo quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy nhằm hạn chế nguy cơ sụp đổ khi xảy ra cháy.

Điều 11. Yêu cầu phòng cháy và chữa cháy khi lập quy hoạch, dự án xây dựng mới hoặc cải tạo đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao

Khi lập quy hoạch, dự án xây dựng mới hoặc cải tạo đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao phải bảo đảm các nội dung sau:

1. Địa điểm xây dựng công trình, cụm công trình, bố trí các khu đất, các lô nhà phải bảo đảm chống cháy lan, giảm tối thiểu tác hại của nhiệt, khói bụi, khí độc do đám cháy sinh ra đối với các khu vực dân cư và công trình xung quanh.
2. Hệ thống giao thông, khoảng trống phải đủ kích thước và tải trọng bảo đảm cho phương tiện chữa cháy cơ giới triển khai các hoạt động chữa cháy.
3. Phải có nguồn nước chữa cháy; hệ thống thông tin liên lạc, cung cấp điện bảo đảm phục vụ các hoạt động chữa cháy, thông tin báo cháy.
4. Bố trí địa điểm xây dựng doanh trại cho đơn vị Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy trong trường hợp khoảng cách đến đơn vị Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy gần nhất lớn hơn 05 km, địa điểm bố trí phải phù hợp với quy hoạch để bảo đảm cho các hoạt động thường trực sẵn sàng chiến đấu, tập luyện, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện chữa cháy theo quy định.
5. Trong dự án phải có dự toán kinh phí cho các hạng mục phòng cháy và chữa cháy.

Điều 12. Yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy khi lập dự án và thiết kế xây dựng công trình

Khi lập dự án và thiết kế xây dựng mới, cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng của công trình phải bảo đảm các nội dung sau:

1. Địa điểm xây dựng công trình phải bảo đảm khoảng cách an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với các công trình xung quanh.

2. Bậc chịu lửa của công trình phải phù hợp với quy mô, tính chất hoạt động của công trình; có giải pháp bảo đảm ngăn cháy và chống cháy lan giữa các hạng mục của công trình và giữa công trình này với công trình khác.

3. Công nghệ sản xuất, hệ thống điện, chống sét, chống tĩnh điện, chống nổ của công trình và việc bố trí hệ thống kỹ thuật, thiết bị, vật tư phải bảo đảm các yêu cầu an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

4. Lối thoát nạn (cửa, lối đi, hành lang, cầu thang thoát nạn), thiết bị chiếu sáng, chỉ dẫn lối thoát nạn, báo tín hiệu; thông gió chống tụ khói; phương tiện cứu người phải bảo đảm cho việc thoát nạn nhanh chóng, an toàn.

5. Hệ thống giao thông, bãi đỗ phục vụ cho phương tiện chữa cháy cơ giới hoạt động phải bảo đảm kích thước và tải trọng; hệ thống cấp nước chữa cháy phải bảo đảm yêu cầu phục vụ chữa cháy.

6. Hệ thống báo cháy, chữa cháy và phương tiện chữa cháy khác phải bảo đảm số lượng; vị trí lắp đặt và các thông số kỹ thuật phù hợp với đặc điểm và tính chất hoạt động của công trình theo quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy.

7. Trong dự án và thiết kế phải có dự toán kinh phí cho các hạng mục phòng cháy và chữa cháy.

Điều 13. Kinh phí phòng cháy và chữa cháy trong đầu tư, xây dựng

1. Kinh phí phòng cháy và chữa cháy trong đầu tư, xây dựng gồm các khoản kinh phí cho hạng mục phòng cháy và chữa cháy tại Điều 11 và Điều 12 Nghị định này và các khoản kinh phí khác phục vụ cho việc lập dự án thiết kế, thẩm duyệt, thử nghiệm, kiểm định, thi công, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

2. Kinh phí phòng cháy và chữa cháy trong đầu tư, xây dựng và kinh phí để duy trì hoạt động của lực lượng, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phải được bố trí ngay trong giai đoạn lập dự án quy hoạch, dự án đầu tư và thiết kế công trình.

Điều 14. Thiết kế và thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy

1. Quy hoạch xây dựng, thiết kế xây dựng mới, cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng công trình, hạng mục công trình (sau đây gọi chung là công trình), thiết kế phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy khi chế tạo mới hoặc hoán cải thuộc mọi nguồn vốn đầu tư phải tuân theo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy. Việc lập đồ án quy hoạch, hồ sơ thiết kế xây dựng dự án, công trình, phương tiện giao thông cơ giới quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này phải do đơn vị có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 42 của Nghị định này thực hiện và phải được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.

2. Thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy là việc cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, đối chiếu các giải pháp, nội dung thiết kế dự án, công trình, phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến phòng cháy, chữa cháy hoặc tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc tế về phòng cháy và chữa cháy được phép áp dụng tại Việt Nam theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

Kết quả thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy là một trong những căn cứ để xem xét, phê duyệt quy hoạch, phê duyệt dự án, thẩm định thiết kế xây dựng và cấp giấy phép xây dựng.

3. Đối tượng thuộc diện phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy:

a) Đồ án quy hoạch xây dựng mới, cải tạo đô thị, khu dân cư, đặc khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

b) Các dự án, công trình quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này khi xây dựng mới, cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng ảnh hưởng đến điều kiện an toàn phòng cháy, chữa cháy quy định tại điểm b khoản 6 Điều này.

c) Phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy quy định tại Mục 21 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này khi chế tạo mới hoặc hoán cải.

4. Hồ sơ đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy

Hồ sơ đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy gồm 01 bộ, có xác nhận của chủ đầu tư hoặc chủ phương tiện, nếu hồ sơ bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch phần thuyết minh ra tiếng Việt kèm theo, cụ thể:

a) Đối với đồ án quy hoạch xây dựng:

- Văn bản đề nghị xem xét, cho ý kiến về giải pháp phòng cháy và chữa cháy của cơ quan, tổ chức lập quy hoạch (Mẫu số PC19);

- Các tài liệu và bản vẽ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 thể hiện những nội dung yêu cầu về giải pháp phòng cháy và chữa cháy quy định tại các khoản 1, 2, 3 và khoản 4 Điều 12 Nghị định này.

b) Đối với thiết kế cơ sở của dự án, công trình:

- Văn bản đề nghị xem xét, cho ý kiến về giải pháp phòng cháy và chữa cháy của chủ đầu tư (Mẫu số PC19); trường hợp chủ đầu tư ủy quyền cho đơn vị khác thì phải có văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật;

- Bản sao quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án sử dụng vốn khác (nếu có);

- Bản sao giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy của đơn vị tư vấn thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;

- Bản sao văn bản quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (quy hoạch 1/2000 đối với khu công nghiệp quy mô trên 20 ha) được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc bản sao văn bản chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp;

- Bản vẽ và bản thuyết minh thiết kế cơ sở thể hiện những nội dung yêu cầu về giải pháp phòng cháy và chữa cháy quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và khoản 6 Điều 12 Nghị định này.

c) Đối với thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công dự án, công trình:

- Văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của chủ đầu tư (Mẫu số PC19); trường hợp chủ đầu tư ủy quyền cho đơn vị khác thì phải có văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật;

- Bản sao văn bản thẩm định thiết kế cơ sở của cấp có thẩm quyền, văn bản góp ý thiết kế cơ sở về PCCC của cơ quan Cảnh sát PCCC đối với dự án, công trình có 02 bước thiết kế trở lên theo quy định của pháp luật về xây dựng; bản sao văn bản quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (quy hoạch 1/2000 đối với khu công nghiệp quy mô trên 20 ha) được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc bản sao văn bản chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp đối với dự án, công trình có 01 bước thiết kế theo quy định của pháp luật về xây dựng;

- Bản sao giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy của đơn vị tư vấn thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;

- Dự toán xây dựng công trình;

- Bản vẽ và bản thuyết minh thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công thể hiện những nội dung yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và khoản 6 Điều 12 Nghị định này.

d) Đối với chấp thuận địa điểm xây dựng công trình:

- Văn bản đề nghị chấp thuận địa điểm xây dựng về phòng cháy và chữa cháy của chủ đầu tư (Mẫu số PC19); trường hợp chủ đầu tư ủy quyền cho đơn vị khác thì phải có văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật;

- Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc bản sao văn bản chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp đối với dự án, công trình;

- Bản vẽ, tài liệu thể hiện rõ hiện trạng địa hình của khu đất có liên quan đến phòng cháy và chữa cháy như bậc chịu lửa của công trình, khoảng cách từ công trình dự kiến xây dựng đến các công trình xung quanh, hướng gió, cao độ công trình.

đ) Đối với thiết kế kỹ thuật phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy:

- Văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của chủ đầu tư, chủ phương tiện (Mẫu số PC19); trường hợp chủ đầu tư ủy quyền cho đơn vị khác thì phải có văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật;

- Bản sao giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy của đơn vị tư vấn thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;

- Dự toán tổng mức đầu tư phương tiện;

- Bản vẽ và bản thuyết minh thiết kế kỹ thuật thể hiện giải pháp bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với tính chất hoạt động và đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ của phương tiện; điều kiện ngăn cháy, chống cháy lan, thoát nạn, cứu người khi có cháy xảy ra; giải pháp bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với hệ thống điện, hệ thống nhiên liệu và động cơ; hệ thống báo cháy, chữa cháy và phương tiện chữa cháy khác; hệ thống, thiết bị phát hiện và xử lý sự cố rò rỉ các chất khí, chất lỏng nguy hiểm về cháy, nổ.

e) Đối với trường hợp cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng công trình, hạng mục công trình:

- Văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của chủ đầu tư, chủ phương tiện (Mẫu số PC19); trường hợp chủ đầu tư ủy quyền cho đơn vị khác thì phải có văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật;

- Bản vẽ hoàn công đối với công trình đã được nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;

- Thuyết minh, bản vẽ thiết kế mới thể hiện nội dung cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng công trình, hạng mục công trình.

g) Văn bản, giấy tờ có trong hồ sơ quy định tại khoản này khi gửi cơ quan Công an là bản sao có công chứng, chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu.

5. Trình tự, thủ tục nộp, tiếp nhận và giải quyết hồ sơ

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 4 Điều này cho cơ quan của người có thẩm quyền quy định tại khoản 9 Điều này. Người được cơ quan, tổ chức cử đến liên hệ nộp hồ sơ phải có giấy giới thiệu hoặc giấy ủy quyền, xuất trình thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng.

b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung hồ sơ đề nghị và thực hiện theo trình tự sau:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì tiếp nhận và ghi thông tin vào 02 bản Phiếu tiếp nhận hồ sơ (Mẫu số PC10), 01 bản trả cho người nộp hồ sơ và lưu 01 bản. Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc bộ phận hành chính công thì gửi Phiếu tiếp nhận hồ sơ đến địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi hồ sơ trước đó;

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định và ghi thông tin vào Phiếu hướng dẫn, bổ sung hồ sơ (Mẫu số PC29) và giao cho người đến nộp hồ sơ. Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc

bộ phận hành chính công thì gửi Phiếu hướng dẫn, bổ sung hồ sơ đến địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi hồ sơ trước đó;

- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì không tiếp nhận, phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

- Trường hợp hồ sơ thiết kế không đáp ứng các yêu cầu quy định tại điểm b khoản 6 Điều này, cơ quan Công an kiến nghị bằng văn bản và trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị.

6. Nội dung thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy

a) Đối với đồ án quy hoạch phải xem xét, đối chiếu sự phù hợp của đồ án với các quy định tại khoản 1, 2, 3 và khoản 4 Điều 12 Nghị định này

b) Đối với dự án, công trình phải xem xét, đối chiếu sự phù hợp của thiết kế với các quy định hiện hành theo các nội dung sau:

- Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy, các tài liệu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật và công nghệ được áp dụng để thiết kế công trình;

- Đường giao thông cho xe chữa cháy, khoảng cách an toàn phòng cháy và chữa cháy đối với các công trình xung quanh; hệ thống cấp nước chữa cháy;

- Bậc chịu lửa, hạng nguy hiểm cháy nổ và bố trí công năng của công trình liên quan đến công tác phòng cháy và chữa cháy;

- Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan;

- Giải pháp thoát nạn bao gồm đường và lối thoát nạn, chỉ dẫn thoát nạn, bảo vệ an toàn cho người thoát nạn; giải pháp cứu nạn và hỗ trợ cứu nạn;

- Hệ thống chống sét, chống tĩnh điện;

- Trang bị hệ thống báo cháy, chữa cháy và phương tiện chữa cháy, cứu nạn cứu hộ của công trình.

c) Đối với công trình khi lắp đặt mới hoặc cải tạo hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy thì chỉ thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với phần lắp đặt mới hoặc cải tạo trong công trình.

7. Thời hạn thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy

Thời hạn thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy được tính kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cụ thể như sau:

a) Đồ án quy hoạch xây dựng: Không quá 05 ngày làm việc.

b) Chấp thuận địa điểm xây dựng công trình: Không quá 05 ngày làm việc.

c) Thiết kế cơ sở: Không quá 10 ngày làm việc đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A; không quá 05 ngày làm việc đối với các dự án còn lại.

d) Thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công: Không quá 15 ngày làm việc đối với dự án, công trình quan trọng quốc gia, dự án, công trình nhóm A; không quá 10 ngày làm việc đối với các dự án, công trình còn lại.

đ) Thiết kế kỹ thuật phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy: Không quá 10 ngày làm việc.

8. Phạm vi thẩm duyệt, văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy

a) Đối với công trình độc lập có nguy hiểm cháy, nổ nêu tại các mục 14, 16 và 20 của Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này: Cơ quan Công an có văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng trước khi tiến hành thiết kế công trình.

b) Đối với đồ án quy hoạch: Cơ quan Công an trả lời bằng văn bản góp ý về giải pháp phòng cháy và chữa cháy.

c) Đối với hồ sơ thiết kế cơ sở: Cơ quan Công an trả lời bằng văn bản góp ý về giải pháp phòng cháy và chữa cháy.

d) Đối với hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công công trình, hồ sơ thiết kế phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy: Cơ quan Công an cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (Mẫu số PC20), đóng dấu đã thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (Mẫu số PC23) vào bản thuyết minh, các bản vẽ đã được thẩm duyệt và trả lại cho chủ đầu tư, chủ phương tiện. Chủ đầu tư, chủ phương tiện nộp tệp tin bản vẽ hoặc tệp tin bản chụp hồ sơ được đóng dấu đã thẩm duyệt cho cơ quan Công an.

đ) Đối với hồ sơ thiết kế cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng; hồ sơ thiết kế lắp đặt mới hoặc cải tạo hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy: Cơ quan Công an trả lời bằng văn bản thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy, đóng dấu đã thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (Mẫu số PC23) vào bản thuyết minh, các bản vẽ đã được thẩm duyệt và trả lại cho chủ đầu tư, chủ phương tiện. Chủ đầu tư, chủ phương tiện nộp tệp tin bản vẽ hoặc tệp tin bản chụp hồ sơ được đóng dấu đã thẩm duyệt cho cơ quan Công an.

9. Thẩm quyền thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy

a) Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với dự án, công trình quan trọng quốc gia; dự án, công trình nhóm A, công trình có chiều cao trên 100 m, công trình xây dựng trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên và các dự án, công trình khác do Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh đề nghị; phương tiện giao thông đường sắt chuyên dùng để vận chuyển hành khách, vận chuyển xăng, dầu, chất lỏng dễ cháy, khí cháy, vật liệu nổ, hóa chất có nguy hiểm về cháy, nổ; phương tiện thủy nội địa chuyên dùng để vận chuyển hành khách có chiều dài từ 50 m trở lên, vận chuyển xăng, dầu, chất lỏng dễ cháy, khí cháy, vật liệu nổ, hóa chất có nguy hiểm về cháy, nổ có trọng tải toàn phần từ 1.000 tấn trở lên.

b) Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với: Đồ án quy hoạch khu dân cư, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao trên địa bàn quản lý; dự án, công trình không thuộc thẩm quyền của Cục Cảnh sát phòng

cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn quản lý và những trường hợp do Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ủy quyền; phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy không thuộc thẩm quyền của Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn quản lý.

Điều 15. Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện giao thông cơ giới, đơn vị tư vấn dự án, giám sát thi công, đơn vị tư vấn thiết kế, nhà thầu xây dựng, cơ quan phê duyệt dự án, cơ quan cấp giấy phép xây dựng, tổ chức cung ứng dịch vụ và cơ quan Công an trong đầu tư, xây dựng công trình

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện giao thông cơ giới:

a) Lập dự án thiết kế theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định này và phù hợp với quy hoạch được phê duyệt. Trình hồ sơ thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy cho cơ quan Công an có thẩm quyền đối với phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy, dự án, công trình quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Tổ chức thi công, kiểm tra, giám sát thi công theo đúng thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đã được thẩm duyệt. Trường hợp trong quá trình thi công nếu có sự thay đổi về thiết kế và thiết bị phòng cháy và chữa cháy thì phải giải trình hoặc thiết kế bổ sung và phải được thẩm duyệt lại;

c) Tổ chức nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy, dự án, công trình quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

d) Đối với các cơ sở quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này và phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy trước khi đưa vào hoạt động, người đứng đầu cơ sở, chủ phương tiện phải thông báo với cơ quan Công an về việc bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy (Mẫu số PC28);

đ) Bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình trong suốt quá trình xây dựng đến khi nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng;

e) Lưu giữ hồ sơ thẩm duyệt, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của công trình;

g) Cung cấp bản sao hồ sơ thẩm duyệt, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của công trình cho đơn vị quản lý, vận hành khi công trình đưa vào sử dụng;

h) Xuất trình hồ sơ thẩm duyệt, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của công trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Trách nhiệm của đơn vị tư vấn dự án và giám sát thi công:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư trong việc thực hiện các nội dung về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật về hoạt động tư vấn giám sát trong phạm vi của hợp đồng ký kết giữa chủ đầu tư và đơn vị tư vấn;

b) Tham gia trong quá trình nghiệm thu.

3. Trách nhiệm của đơn vị tư vấn thiết kế:

a) Thiết kế bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy; chịu trách nhiệm về chất lượng của sản phẩm thiết kế công trình;

b) Thực hiện quyền giám sát tác giả trong quá trình thi công xây lắp công trình.

4. Trách nhiệm của nhà thầu thi công xây dựng:

a) Thi công theo đúng thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đã được thẩm duyệt;

b) Bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy thuộc phạm vi quản lý của mình trong suốt quá trình thi công đến khi bàn giao công trình;

c) Lập hồ sơ hoàn công; chuẩn bị các tài liệu và điều kiện để phục vụ công tác nghiệm thu và tham gia nghiệm thu công trình.

5. Trách nhiệm của cơ quan phê duyệt quy hoạch, cơ quan phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và cơ quan cấp giấy phép xây dựng:

a) Cơ quan phê duyệt quy hoạch, cơ quan phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án, công trình quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này chỉ phê duyệt dự án, công trình khi có văn bản trả lời kết quả thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy quy định tại khoản 8 Điều 14 Nghị định này;

b) Cơ quan cấp giấy phép xây dựng trước khi cấp giấy phép có trách nhiệm yêu cầu chủ đầu tư xuất trình giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy đối với các dự án, công trình quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này.

6. Trách nhiệm của tổ chức cung ứng dịch vụ điện, nước

Tổ chức cung ứng dịch vụ điện, nước khi được đề nghị cung cấp điện, nước cho dự án, công trình thuộc diện phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này thì trước khi thực hiện việc cung ứng dịch vụ điện, nước phải yêu cầu chủ đầu tư cung cấp văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với dự án chưa được triển khai xây dựng hoặc văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an có thẩm quyền đối với công trình đã được chủ đầu tư nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy. Trường hợp chủ đầu tư không cung cấp được các giấy tờ này thì không cung cấp dịch vụ điện, nước đối với dự án, công trình đó.

7. Trách nhiệm của cơ quan Công an:

a) Xem xét, trả lời về giải pháp phòng cháy và chữa cháy đối với đồ án quy hoạch xây dựng, chấp thuận địa điểm xây dựng công trình, hồ sơ thiết kế cơ sở; cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công dự án, công trình, phương tiện giao thông cơ giới theo quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này và phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy;

b) Kiểm định thiết bị, phương tiện phòng cháy và chữa cháy;

c) Kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy trong quá trình thi công xây dựng;

d) Kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với các dự án, công trình, phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy.

Điều 16. Nghiệm thu, kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy

1. Dự án, công trình, phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy đã được thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy phải được chủ đầu tư, chủ phương tiện tổ chức nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy. Chủ đầu tư, chủ phương tiện giao thông cơ giới phải đề nghị cơ quan Công an đã thẩm duyệt trước đó đến kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy nêu trên trước khi đưa dự án, công trình, phương tiện giao thông cơ giới vào sử dụng.

Nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy bao gồm nghiệm thu từng phần, từng giai đoạn, từng hạng mục, từng hệ thống và nghiệm thu bàn giao; riêng đối với các bộ phận, của công trình, phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy khi thi công bị che khuất thì phải được nghiệm thu trước khi tiến hành các công việc tiếp theo.

2. Hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy gồm:

a) Bản sao các văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy;

b) Bản sao giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy đã lắp đặt trong công trình, phương tiện giao thông cơ giới;

c) Các biên bản thử nghiệm, nghiệm thu từng phần và nghiệm thu tổng thể các hạng mục, hệ thống phòng cháy và chữa cháy;

d) Các bản vẽ hoàn công hệ thống phòng cháy và chữa cháy và các hạng mục liên quan đến phòng cháy và chữa cháy phù hợp với hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt;

đ) Tài liệu, quy trình hướng dẫn vận hành, bảo dưỡng các thiết bị, hệ thống phòng cháy và chữa cháy của công trình, phương tiện giao thông cơ giới;

e) Văn bản nghiệm thu hoàn thành hệ thống, thiết bị có liên quan về phòng cháy và chữa cháy;

g) Bản sao giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy của đơn vị tư vấn giám sát, đơn vị thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy.

Các văn bản, tài liệu có trong hồ sơ phải có xác nhận của chủ đầu tư, chủ phương tiện, đơn vị tư vấn giám sát, đơn vị thi công. Nếu hồ sơ thể hiện bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch ra tiếng Việt.

3. Trình tự, thủ tục kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy (Mẫu số PC21) cho cơ quan Công an đã thẩm duyệt trước đó. Người được cơ quan, tổ chức cử đến liên hệ nộp hồ sơ phải có giấy giới thiệu hoặc giấy ủy quyền, xuất trình thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng.

b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung hồ sơ đề nghị và thực hiện theo trình tự sau:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì tiếp nhận và ghi thông tin vào Phiếu tiếp nhận hồ sơ (Mẫu số PC10) và in thành 02 bản, 01 bản trả cho người nộp hồ sơ và lưu 01 bản. Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc bộ phận hành chính công thì gửi Phiếu tiếp nhận hồ sơ đến địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi hồ sơ trước đó;

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định và ghi thông tin vào Phiếu hướng dẫn, bổ sung hồ sơ (Mẫu số PC29), giao cho người đến nộp hồ sơ. Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc bộ phận hành chính công thì gửi Phiếu hướng dẫn, bổ sung hồ sơ đến địa chỉ của tổ chức, cá nhân đã gửi hồ sơ trước đó;

- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì không tiếp nhận, phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của chủ đầu tư, chủ phương tiện giao thông cơ giới, cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy đã thẩm duyệt trước đó có trách nhiệm tổ chức kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của chủ đầu tư. Việc kiểm tra phải được lập biên bản (Mẫu số PC04).

d) Cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của chủ đầu tư, chủ phương tiện theo các nội dung sau:

- Kiểm tra nội dung và tính pháp lý của hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy do chủ đầu tư, chủ phương tiện giao thông cơ giới chuẩn bị;

- Kiểm tra sự phù hợp giữa kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư, chủ phương tiện đối với thiết kế đã được cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thẩm duyệt trước đó;

- Tổ chức kiểm tra, thử nghiệm hoạt động thực tế của các phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy và hệ thống kỹ thuật khác có liên quan đến phòng cháy và chữa cháy của công trình, phương tiện giao thông cơ giới để đối chiếu với kết quả thử nghiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện khi xét thấy cần thiết.

đ) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua biên bản kiểm tra nghiệm thu, cơ quan Công an có trách nhiệm xem xét, ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy (Mẫu số PC22) và trả lại toàn bộ hồ sơ nghiệm thu đã nộp trước đó. Trường hợp không chấp thuận nghiệm thu thì phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

4. Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy là một trong những căn cứ để chủ đầu tư đưa công trình, phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy vào sử dụng. Văn bản này không thay thế, không làm giảm trách nhiệm về phòng cháy và chữa cháy của chủ đầu tư, chủ phương tiện và các đơn vị tư vấn, thi công trong hoạt động đầu tư, xây dựng.

Điều 17. Kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy

1. Đối tượng kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy gồm:

- a) Cơ sở thuộc diện quản lý về phòng cháy và chữa cháy;
- b) Khu dân cư, hộ gia đình, rừng, phương tiện giao thông cơ giới;
- c) Công trình xây dựng trong quá trình thi công thuộc danh mục quy định

tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Nội dung kiểm tra:

a) Điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với cơ sở, khu dân cư, hộ gia đình, phương tiện giao thông cơ giới quy định tại các điều 5, 6, 7 Nghị định này.

b) Điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy rừng quy định của Luật Lâm nghiệp và Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

c) Đối với công trình xây dựng:

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình thuộc Phụ lục V Nghị định này;

- Giải pháp bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy của chủ đầu tư, nhà thầu trong quá trình thi công;

- Quy định, nội quy biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về an toàn phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn;

- Quy định về phân công trách nhiệm bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy của chủ đầu tư, nhà thầu thi công trong phạm vi thẩm quyền; chức trách, nhiệm vụ của người được phân công làm nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy;

- Việc sử dụng hệ thống, thiết bị điện, sinh lửa, sinh nhiệt, nguồn lửa, nguồn nhiệt phải bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy;

- Trang bị phương tiện, thiết bị chữa cháy ban đầu theo quy định;

d) Việc thực hiện trách nhiệm phòng cháy và chữa cháy của từng đối tượng quy định tại Luật Phòng cháy và chữa cháy, Nghị định này và các quy định pháp luật liên quan.

3. Kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy được tiến hành theo hình thức kiểm tra thường xuyên, định kỳ, đột xuất, cụ thể:

a) Người đứng đầu cơ sở, chủ phương tiện giao thông cơ giới, chủ hộ gia đình có trách nhiệm tổ chức kiểm tra thường xuyên, định kỳ, đột xuất về an toàn phòng cháy và chữa cháy trong phạm vi quản lý của mình.

b) Người đứng đầu cơ sở quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này có trách nhiệm tự kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy mỗi quý một lần và báo cáo kết quả tự kiểm tra cho cơ quan Công an và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả kiểm tra, báo cáo của mình.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy định kỳ một lần một năm đối với các cơ sở quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này, khu dân cư, hộ gia đình thuộc phạm vi quản lý; kiểm tra đột xuất đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định này hoặc vi phạm quy định an toàn về phòng cháy và chữa cháy mà có nguy cơ phát sinh cháy, nổ hoặc khi có yêu cầu bảo vệ đặc biệt.

Công an cấp xã có trách nhiệm tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra an toàn phòng cháy và chữa cháy định kỳ, đột xuất.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trở lên có trách nhiệm tổ chức kiểm tra đột xuất việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy trong phạm vi quản lý của mình;

đ) Cơ quan Công an kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy định kỳ một lần một năm đối với các cơ sở quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này, rừng, phương tiện giao thông cơ giới thuộc phạm vi quản lý; kiểm tra đột xuất đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định này hoặc phục vụ công tác bảo đảm an ninh, trật tự theo văn bản chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền.

4. Thủ tục kiểm tra:

a) Người đứng đầu cơ sở, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, chủ phương tiện giao thông cơ giới, chủ hộ gia đình, thực hiện kiểm tra thường xuyên về an toàn phòng cháy và chữa cháy trong phạm vi quản lý của mình;

b) Người có trách nhiệm kiểm tra định kỳ phải thông báo trước 03 ngày làm việc cho đối tượng được kiểm tra về thời gian, nội dung và thành phần đoàn kiểm tra;

Khi tổ chức kiểm tra về an toàn phòng cháy và chữa cháy đối với cơ sở, địa bàn do cấp dưới quản lý thì phải thông báo cho cấp quản lý cơ sở, địa bàn đó biết. Trường hợp cần thiết thì yêu cầu cấp quản lý cơ sở, địa bàn đó tham gia đoàn kiểm tra, cung cấp tài liệu và tình hình liên quan đến công tác phòng cháy và chữa cháy của cơ sở, địa bàn được kiểm tra. Kết quả kiểm tra được thông báo cho cấp quản lý cơ sở, địa bàn biết;

c) Người có trách nhiệm kiểm tra đột xuất về an toàn phòng cháy và chữa cháy phải thông báo rõ lý do kiểm tra cho đối tượng được kiểm tra. Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân khi thực hiện công tác kiểm tra đột xuất phải xuất trình giấy giới thiệu của cơ quan trực tiếp quản lý;

d) Đối tượng được kiểm tra phải chuẩn bị đầy đủ các nội dung kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy đã được thông báo và bố trí người có thẩm quyền, trách nhiệm để làm việc với người có trách nhiệm kiểm tra khi nhận được thông báo về việc kiểm tra;

đ) Việc kiểm tra định kỳ, đột xuất của cơ quan quản lý về phòng cháy và chữa cháy phải được lập biên bản (Mẫu số PC04).

5. Nội dung, hình thức, trình tự, thủ tục, thẩm quyền kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy rừng được thực hiện theo quy định của Luật Lâm nghiệp và Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

Điều 18. Tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình, cá nhân không bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy

1. Các trường hợp bị tạm đình chỉ hoạt động:

a) Trong môi trường nguy hiểm cháy, nổ xuất hiện nguồn lửa, nguồn nhiệt hoặc khi đang có nguồn lửa, nguồn nhiệt mà xuất hiện môi trường nguy hiểm cháy, nổ (sau đây gọi là nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ).

b) Vi phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định về phòng cháy và chữa cháy, gồm:

- Cải tạo, sửa chữa, mở rộng, thay đổi tính chất sử dụng của cơ sở, hạng mục thuộc cơ sở, hoán cải phương tiện giao thông cơ giới khi chưa có giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;

- Đưa hạng mục công trình, công trình, phương tiện giao thông cơ giới vào hoạt động, sử dụng khi chưa có văn bản thẩm duyệt, chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an có thẩm quyền

đối với dự án, công trình, phương tiện giao thông cơ giới thuộc diện phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;

c) Vi phạm nghiêm trọng quy định về phòng cháy và chữa cháy đã được cơ quan quản lý nhà nước về phòng cháy và chữa cháy yêu cầu khắc phục bằng văn bản mà không thực hiện, gồm:

- Tàng trữ, sử dụng trái phép chất, hàng nguy hiểm cháy, nổ;
- Sản xuất, kinh doanh, san, chiết, nạp chất, hàng nguy hiểm cháy, nổ mà không có giấy phép hoặc không đúng nơi quy định;
- Sử dụng nguồn lửa, các thiết bị điện hoặc các thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt khác ở những nơi có quy định cấm.

2. Việc tạm đình chỉ hoạt động chỉ giới hạn trong phạm vi nhỏ nhất và theo nguyên tắc nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ xuất hiện ở phạm vi nào hoặc vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy ở phạm vi nào thì tạm đình chỉ hoạt động trong phạm vi đó.

3. Thời hạn tạm đình chỉ hoạt động được xác định căn cứ vào điều kiện, khả năng loại trừ nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ, khả năng khắc phục vi phạm về phòng cháy và chữa cháy nhưng không vượt quá 30 ngày.

4. Cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và hoạt động của cá nhân bị tạm đình chỉ theo quy định tại khoản 1 Điều này đã hết thời hạn tạm đình chỉ mà không khắc phục hoặc không thể khắc phục được và có nguy cơ cháy, nổ gây hậu quả nghiêm trọng thì bị đình chỉ hoạt động. Việc đình chỉ hoạt động có thể thực hiện đối với từng bộ phận hoặc toàn bộ cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và hoạt động của cá nhân.

5. Quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động được thể hiện bằng văn bản; có thể ra quyết định tạm đình chỉ bằng lời nói đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và ngay sau đó phải thể hiện quyết định bằng văn bản.

6. Thủ tục tạm đình chỉ hoạt động

a) Khi phát hiện trường hợp bị tạm đình chỉ hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều này thì người được có thẩm quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân ngừng hoạt động hoặc chấm dứt hành vi vi phạm và thực hiện theo trình tự sau:

- Lập biên bản xác định phạm vi nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ hoặc hành vi vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy;
- Ra quyết định hoặc báo cáo người có thẩm quyền ra quyết định tạm đình chỉ hoạt động;

b) Quyết định tạm đình chỉ hoạt động phải bằng văn bản (Mẫu số PC05). Trường hợp cấp thiết có thể ra quyết định, tạm đình chỉ bằng lời nói và ngay sau đó phải thể hiện quyết định bằng văn bản. Khi ra quyết định tạm đình chỉ bằng lời nói phải xưng rõ họ tên, chức vụ, đơn vị công tác, phạm vi và những hoạt động bị tạm đình chỉ.

Người ra quyết định tạm đình chỉ hoạt động có trách nhiệm tổ chức theo dõi việc khắc phục, loại trừ nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ.

7. Thủ tục đình chỉ hoạt động

a) Khi hết thời hạn tạm đình chỉ hoạt động, người có thẩm quyền đã ra quyết định tạm đình chỉ hoạt động trước đó có trách nhiệm tổ chức kiểm tra cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và hoạt động của cá nhân bị tạm đình chỉ để xem xét khả năng loại trừ nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ hoặc khắc phục vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy. Việc kiểm tra phải được lập biên bản (Mẫu số PC04);

b) Kết thúc kiểm tra, nếu xét thấy nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ chưa được loại trừ hoặc vi phạm không được khắc phục hoặc không thể khắc phục được và có nguy cơ cháy, nổ gây hậu quả nghiêm trọng thì người có thẩm quyền đã ra quyết định tạm đình chỉ hoạt động trước đó xem xét, ra quyết định đình chỉ hoạt động của cơ sở, hộ gia đình, phương tiện giao thông cơ giới, hoạt động của cá nhân (Mẫu số PC06).

8. Thẩm quyền tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động được quy định như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Công an hoặc người được ủy quyền được quyền quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động của bộ phận, toàn bộ cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình, hoạt động của cá nhân trong phạm vi cả nước.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp được quyền quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động của bộ phận, toàn bộ cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình, hoạt động của cá nhân thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của mình.

c) Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh, Trưởng Công an cấp huyện, Trưởng Công an cấp xã trong phạm vi thẩm quyền của mình được quyền quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động đối với từng bộ phận, toàn bộ cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình, hoạt động của cá nhân thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của mình.

d) Cán bộ, chiến sĩ Công an được tạm đình chỉ hoạt động đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và trong thời gian ngắn nhất sau khi tạm đình chỉ phải báo cáo người trực tiếp quản lý có thẩm quyền quyết định tạm đình chỉ.

9. Quyết định tạm đình chỉ hoạt động, quyết định đình chỉ hoạt động phải được giao cho đối tượng bị tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động, cấp trên trực tiếp quản lý của đối tượng bị tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động (nếu có), Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện nơi đối tượng bị tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động có trụ sở hoặc cư trú; trường hợp các hoạt động bị tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động có liên quan tới nhiều đối tượng thì phải giao cho mỗi đối tượng một quyết định.

10. Biện pháp bảo đảm thi hành quyết định đình chỉ hoạt động

a) Người đứng đầu cơ sở, cơ quan, tổ chức, chủ hộ gia đình, người điều khiển hoặc chủ phương tiện giao thông cơ giới, cá nhân khi nhận được quyết định tạm đình chỉ phải chấp hành ngay và có trách nhiệm loại trừ nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ hoặc khắc phục vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy trong thời gian ngắn nhất.

b) Cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định đình chỉ hoạt động thông báo công khai trên trang thông tin điện tử, phương tiện truyền thông về việc đình chỉ hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình, cá nhân không bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy. Nội dung công bố công khai gồm tổ chức, cá nhân vi phạm, hành vi vi phạm, hình thức xử lý.

c) Cơ quan quản lý nhà nước không cấp phép đầu tư xây dựng dự án, công trình mới cho chủ đầu tư có công trình đang bị đình chỉ hoạt động.

d) Đối với phương tiện giao thông cơ giới trong thời gian bị đình chỉ hoạt động thì phương tiện đó không được đưa vào sử dụng.

Điều 19. Phục hồi hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân

1. Trong thời hạn tạm đình chỉ hoạt động hoặc hết thời hạn tạm đình chỉ hoạt động, nếu nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ đã được loại trừ hoặc vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy đã được khắc phục thì chủ đầu tư, người đứng đầu cơ sở, chủ hộ gia đình, chủ phương tiện giao thông cơ giới, cá nhân phải làm văn bản đề nghị (Mẫu số PC07) gửi người có thẩm quyền đã ra quyết định tạm đình chỉ hoạt động trước đó xem xét, quyết định cho phục hồi hoạt động.

2. Cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân đã bị đình chỉ hoạt động, nếu sau đó đáp ứng đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy và muốn hoạt động trở lại thì chủ đầu tư, người đứng đầu cơ sở, chủ hộ gia đình, chủ phương tiện giao thông cơ giới, cá nhân phải làm văn bản đề nghị (Mẫu số PC07) gửi người có thẩm quyền đã ra quyết định đình chỉ hoạt động trước đó xem xét, quyết định cho phục hồi hoạt động.

3. Quyết định phục hồi hoạt động được thể hiện bằng văn bản (Mẫu số PC08); trường hợp người có thẩm quyền sau khi quyết định tạm đình chỉ bằng lời nói mà nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ hoặc vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy đã được loại trừ hoặc khắc phục xong thì có thể quyết định phục hồi hoạt động bằng lời nói.

4. Thủ tục phục hồi hoạt động

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cho phục hồi hoạt động, người đã ra quyết định tạm đình chỉ hoạt động, đình chỉ hoạt động trước đó phải tổ chức kiểm tra, xem xét kết quả khắc phục nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ, khắc phục vi phạm quy định về phòng

cháy và chữa cháy hoặc các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy. Kết quả kiểm tra phải được lập biên bản (Mẫu số PC04);

Trường hợp nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ đã được loại, trừ hoặc vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy đã được khắc phục hoặc đã đáp ứng các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy thì ra quyết định cho phục hồi hoạt động (Mẫu số PC08).

5. Quyết định phục hồi hoạt động phải được giao cho đối tượng bị tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động, cấp trên trực tiếp quản lý của đối tượng bị tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động (nếu có), Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đối tượng bị tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động có trụ sở hoặc cư trú.

6. Người có thẩm quyền quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động có quyền quyết định phục hồi hoạt động.

Chương III CHỮA CHÁY

Điều 20. Phương án chữa cháy

1. Các loại phương án chữa cháy

a) Phương án chữa cháy của cơ sở (Mẫu số PC11);

b) Phương án chữa cháy của cơ quan Công an (Mẫu số PC12).

2. Phương án chữa cháy phải bảo đảm các yêu cầu và nội dung cơ bản sau đây:

a) Nêu được tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy.

b) Đề ra tình huống cháy phức tạp nhất và một số tình huống cháy đặc trưng khác có thể xảy ra, khả năng phát triển của đám cháy theo các mức độ khác nhau.

c) Đề ra kế hoạch huy động, sử dụng lực lượng, phương tiện, tổ chức chỉ huy, biện pháp kỹ thuật, chiến thuật chữa cháy và các công việc phục vụ chữa cháy phù hợp với từng giai đoạn của từng tình huống cháy.

d) Phương án chữa cháy phải được bổ sung, chỉnh lý kịp thời và được cấp có thẩm quyền phê duyệt lại khi có những thay đổi lớn về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy.

3. Trách nhiệm xây dựng phương án chữa cháy và phối hợp xây dựng phương án chữa cháy:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ sở, khu dân cư, chủ phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy chịu trách nhiệm tổ chức xây dựng phương án chữa cháy sử dụng lực lượng, phương tiện tại chỗ trong phạm vi quản lý của mình (Mẫu số PC11).

Người đứng đầu cơ sở quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này, người đứng đầu khu dân cư có nguy cơ cháy, nổ cao có trách nhiệm cung cấp tài liệu, thông tin cần thiết liên quan tới việc xây dựng phương án chữa cháy theo yêu cầu của cơ quan Công an được phân cấp quản lý, bố trí người tham gia và bảo đảm các điều kiện phục vụ xây dựng phương án chữa cháy.

b) Công an cấp huyện xây dựng phương án chữa cháy của cơ quan Công an đối với các cơ sở quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này và khu dân cư có nguy cơ cháy, nổ cao được phân cấp quản lý (Mẫu số PC12);

c) Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ xây dựng phương án chữa cháy của cơ quan Công an đối với các cơ sở quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này và khu dân cư có nguy cơ cháy, nổ cao được phân cấp quản lý, phương án chữa cháy cần huy động nhiều lực lượng Công an, Quân đội, cơ quan, tổ chức đóng ở địa phương và lực lượng Công an của nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Mẫu số PC12);

Khi xây dựng phương án chữa cháy, cơ quan Công an phải thông báo trước 03 ngày làm việc cho người đứng đầu cơ sở, khu dân cư có nguy cơ cháy, nổ cao về thời gian xây dựng phương án và những yêu cầu cần thiết cho việc xây dựng phương án.

4. Thẩm quyền phê duyệt phương án chữa cháy

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở đối với các cơ sở quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này thuộc phạm vi quản lý; chủ phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở đối với phương tiện thuộc phạm vi quản lý.

b) Trưởng Công an cấp huyện phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở đối với các cơ sở quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này được phân cấp quản lý; phương án chữa cháy của Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy đối với cơ sở, khu dân cư được phân cấp quản lý;

c) Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở đối với các cơ sở quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này được phân cấp quản lý; phương án chữa cháy của cơ quan Công an đối với cơ sở, khu dân cư được phân cấp quản lý;

d) Giám đốc Công an cấp tỉnh phê duyệt phương án chữa cháy có sử dụng lực lượng, phương tiện, thiết bị của các đơn vị Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, các đơn vị Công an khác trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án chữa cháy của cơ quan Công an có huy động lực lượng, phương tiện của cơ quan, tổ chức, Quân đội đóng ở địa phương;

e) Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phê duyệt phương án chữa cháy của cơ quan Công an có huy động lực lượng, phương tiện của Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

g) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cùng phê duyệt phương án chữa cháy của cơ quan Công an cần huy động lực lượng của cơ quan, tổ chức, Quân đội đóng ở địa phương và lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy của nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

5. Hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở đối với các cơ sở quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này gồm:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (Mẫu số PC09);

b) 02 bản phương án chữa cháy của cơ sở đã được người có trách nhiệm tổ chức xây dựng phương án, ký tên, đóng dấu (nếu có);

c) Văn bản ủy quyền (trường hợp ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác nộp hồ sơ).

6. Trình tự, thủ tục nộp, tiếp nhận hồ sơ, thời hạn phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở:

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án chữa cháy cho cơ quan của người có thẩm quyền phê duyệt phương án chữa cháy quy định tại điểm b và điểm c khoản 4 Điều này. Người được cơ quan, tổ chức cử đến liên hệ nộp hồ sơ phải có giấy giới thiệu hoặc giấy ủy quyền, xuất trình thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng;

b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung hồ sơ và thực hiện theo quy định sau:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì tiếp nhận và ghi thông tin vào 02 bản Phiếu tiếp nhận hồ sơ (Mẫu số PC10), 01 bản trả cho người nộp hồ sơ và lưu 01 bản. Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc bộ phận hành chính công thì gửi Phiếu tiếp nhận hồ sơ đến địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi hồ sơ trước đó;

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định và ghi thông tin vào Phiếu hướng dẫn, bổ sung hồ sơ (Mẫu số PC29) và giao cho người đến nộp hồ sơ. Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc bộ phận hành chính công thì gửi Phiếu hướng dẫn, bổ sung hồ sơ đến địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi hồ sơ trước đó;

- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì không tiếp nhận, phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

c) Trong thời gian không quá 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở; trường hợp không phê duyệt phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

7. Quản lý phương án chữa cháy

a) Phương án chữa cháy của cơ sở được quản lý tại cơ sở, khu dân cư, trên phương tiện giao thông cơ giới và sao gửi cho cơ quan Công an được phân cấp quản lý.

b) Phương án chữa cháy của cơ quan Công an được quản lý tại đơn vị Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy. Cơ quan, tổ chức có lực lượng, phương tiện tham gia trong phương án được sao gửi, phổ biến những nội dung liên quan đến nhiệm vụ của mình.

8. Chế độ tổ chức thực tập phương án chữa cháy:

a) Phương án chữa cháy của cơ sở được tổ chức thực tập ít nhất mỗi năm một lần và thực tập đột xuất khi có yêu cầu. Số lần thực tập do người có thẩm quyền phê duyệt phương án chữa cháy quyết định; mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án đều được thực tập.

b) Phương án chữa cháy của cơ quan Công an được tổ chức thực tập khi có yêu cầu của người có thẩm quyền phê duyệt phương án chữa cháy. Người có thẩm quyền yêu cầu tổ chức thực tập phương án chữa cháy phải thông báo bằng văn bản cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ sở, chủ phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy trước thời điểm thực tập ít nhất 15 ngày làm việc và gửi yêu cầu huy động lực lượng, phương tiện cho các cơ quan, tổ chức, địa phương nơi có lực lượng, phương tiện được huy động trước thời điểm thực tập ít nhất 10 ngày làm việc.

c) Phương án chữa cháy được tổ chức thực tập đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn phòng cháy và chữa cháy đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương hoặc quốc gia theo yêu cầu của người có thẩm quyền phê duyệt phương án chữa cháy quy định tại khoản 4 Điều này.

9. Trách nhiệm tổ chức thực tập phương án chữa cháy

a) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, chủ phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy có trách nhiệm tổ chức thực tập phương án chữa cháy cơ sở thuộc phạm vi quản lý của mình.

b) Cơ quan Công an có trách nhiệm tổ chức thực tập phương án chữa cháy của cơ quan Công an theo yêu cầu của người có thẩm quyền phê duyệt.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ sở, chủ phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện cần thiết cho việc tổ chức thực tập phương án chữa cháy tại cơ sở, khu dân cư, phương tiện thuộc phạm vi quản lý của mình.

d) Lực lượng, phương tiện có trong phương án chữa cháy khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

10. Cơ quan Công an có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng, thực tập, quản lý và sử dụng phương án chữa cháy.

Điều 21. Trách nhiệm báo cháy, chữa cháy và tham gia chữa cháy

1. Người phát hiện thấy cháy phải bằng mọi cách báo cháy ngay cho người xung quanh biết và báo cho một hoặc tất cả các đơn vị sau đây:

a) Đội dân phòng hoặc đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở, chuyên ngành tại nơi xảy ra cháy.

b) Đơn vị Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy nơi gần nhất.

c) Chính quyền địa phương sở tại hoặc cơ quan Công an nơi gần nhất.

2. Cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này khi nhận được tin báo về vụ cháy xảy ra trong địa bàn được phân công quản lý thì phải nhanh chóng đến tổ chức chữa cháy, đồng thời báo cho các cơ quan, đơn vị cần thiết khác để chi viện chữa cháy; trường hợp cháy xảy ra ngoài địa bàn được phân công quản lý thì sau khi nhận được tin báo cháy phải bằng mọi cách nhanh chóng báo cho các cơ quan, đơn vị quản lý địa bàn nơi xảy ra cháy biết để xử lý, đồng thời báo cáo cấp trên của mình.

3. Người có mặt tại nơi xảy ra cháy và có sức khỏe phải tìm mọi biện pháp để cứu người, ngăn chặn cháy lan và dập cháy; người tham gia chữa cháy phải chấp hành mệnh lệnh của người chỉ huy chữa cháy.

4. Lực lượng Công an, Quân đội, Dân quân tự vệ, cơ quan y tế, điện lực, cấp nước, môi trường đô thị, giao thông và các cơ quan khác có liên quan có nhiệm vụ chữa cháy và tham gia chữa cháy theo quy định tại các khoản 2, 3 và khoản 4 Điều 33 Luật Phòng cháy và chữa cháy.

Điều 22. Người chỉ huy chữa cháy

1. Đối với lực lượng Công an, người chỉ huy chữa cháy phải là người có chức vụ cao nhất chỉ huy đơn vị Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có mặt tại nơi xảy ra cháy.

2. Trong trường hợp tại nơi xảy ra cháy, lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy chưa đến mà đám cháy lan từ cơ sở này sang cơ sở khác hoặc cháy lan từ cơ sở sang khu dân cư và ngược lại thì người chỉ huy chữa cháy của cơ sở và khu dân cư bị cháy phải có trách nhiệm phối hợp trong chỉ huy chữa cháy.

3. Trường hợp phương tiện giao thông cơ giới bị cháy trong địa phận của cơ sở, thôn, khu rừng mà lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy chưa đến

thì người chỉ huy chữa cháy phương tiện giao thông cơ giới phải phối hợp với người có trách nhiệm chỉ huy chữa cháy sở tại để chỉ huy chữa cháy.

4. Khi người có chức vụ cao nhất của đơn vị Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy đến nơi xảy ra cháy thì người chỉ huy chữa cháy quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Phòng cháy và chữa cháy có trách nhiệm tham gia ban chỉ huy chữa cháy và chịu sự phân công của người chỉ huy chữa cháy thuộc lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy.

Điều 23. Nhiệm vụ chỉ huy, chỉ đạo chữa cháy

1. Nhiệm vụ chỉ huy chữa cháy:

a) Huy động lực lượng, phương tiện, tài sản, nguồn nước và vật liệu chữa cháy để chữa cháy.

b) Xác định khu vực chữa cháy, đề ra và tổ chức thực hiện các biện pháp kỹ thuật, chiến thuật chữa cháy.

c) Đề ra các yêu cầu về bảo đảm giao thông, trật tự.

d) Tổ chức hậu cần chữa cháy, phục vụ chữa cháy và y tế.

đ) Tổ chức thông tin liên lạc phục vụ chữa cháy.

e) Tổ chức công tác chính trị tư tưởng trong chữa cháy.

g) Tổ chức thông tin về vụ cháy.

h) Đề xuất các yêu cầu khác phục vụ cho chữa cháy.

2. Nhiệm vụ chỉ đạo chữa cháy là tổ chức thực hiện việc huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị, dụng cụ, vật tư, nguồn nước, vật liệu chữa cháy và các điều kiện cần thiết để chữa cháy; bảo đảm các điều kiện phục vụ chữa cháy như giao thông, trật tự, thông tin liên lạc, hậu cần chữa cháy, y tế và công tác chính trị tư tưởng trong chữa cháy.

3. Khi lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy chưa đến đám cháy, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trở lên có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. Khi lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy đến đám cháy thì người chỉ huy đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này; người đứng đầu cơ quan, tổ chức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trở lên có trách nhiệm tham gia chỉ huy chữa cháy và thực hiện các nhiệm vụ chỉ đạo chữa cháy quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trong trường hợp đám cháy có nguy cơ phát triển với quy mô lớn, diễn biến phức tạp hoặc kéo dài, gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản phải thành lập Ban Chỉ đạo, Ban Chỉ huy chữa cháy để tổ chức huy động, điều hành các lực lượng tham gia chữa cháy. Trưởng ban Chỉ đạo, Trưởng ban Chỉ huy quyết định thành viên trong ban.

Điều 24. Thẩm quyền và thủ tục huy động lực lượng, phương tiện và tài sản để chữa cháy

1. Thẩm quyền huy động lực lượng, phương tiện và tài sản để chữa cháy được quy định như sau:

a) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trở lên được quyền huy động lực lượng, phương tiện và tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trong phạm vi quản lý của mình; trường hợp cần huy động lực lượng, phương tiện và tài sản ngoài phạm vi quản lý của mình thì phải đề xuất người có thẩm quyền huy động quyết định.

b) Trưởng phòng Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng Công an cấp huyện được quyền huy động lực lượng, phương tiện và tài sản của lực lượng phòng cháy và chữa cháy trong phạm vi địa bàn quản lý. Sau khi huy động thì thông báo cho người có thẩm quyền quản lý lực lượng, phương tiện và tài sản đó biết. Trường hợp cần huy động lực lượng, phương tiện và tài sản ngoài phạm vi quản lý của mình thì đề xuất người có thẩm quyền huy động quyết định.

c) Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được quyền huy động lực lượng, phương tiện và tài sản của lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy trong phạm vi cả nước. Trường hợp cần huy động lực lượng, phương tiện và tài sản ngoài phạm vi quản lý của mình thì đề xuất người có thẩm quyền huy động quyết định.

Sau khi huy động thì thông báo cho người có thẩm quyền quản lý lực lượng, phương tiện và tài sản đó biết.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quyền huy động lực lượng, phương tiện và tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trong phạm vi quản lý của mình và lực lượng quân đội đóng ở địa phương. Sau khi huy động thì thông báo cho người có thẩm quyền quản lý lực lượng, phương tiện, tài sản đó biết.

đ) Bộ trưởng Bộ Công an được quyền huy động lực lượng, phương tiện và tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trong phạm vi cả nước. Sau khi huy động thì thông báo cho người có thẩm quyền quản lý lực lượng, phương tiện và tài sản đó biết.

2. Thủ tục huy động lực lượng, phương tiện và tài sản để chữa cháy

a) Việc huy động lực lượng, phương tiện và tài sản để chữa cháy phải được thể hiện bằng Lệnh huy động lực lượng, phương tiện và tài sản để chữa cháy (Mẫu số PC13); trường hợp khẩn cấp, lệnh huy động có thể bằng lời nói, nhưng chậm nhất không quá 03 ngày làm việc phải thể hiện lệnh đó bằng văn bản. Người ra lệnh huy động bằng lời nói phải xưng rõ họ tên, chức vụ, đơn vị công tác, đồng thời phải nêu rõ căn cứ huy động và yêu cầu về người, phương tiện, tài sản cần huy động, thời gian, địa điểm tập kết.

b) Trường hợp cần huy động lực lượng, phương tiện và tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân ngoài phạm vi quản lý, người chỉ huy chữa cháy báo cáo

đề xuất và được người có thẩm quyền huy động đồng ý thì được phép huy động lực lượng, phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó để chữa cháy nhưng sau đó phải tham mưu cho người có thẩm quyền huy động ban hành quyết định huy động bằng văn bản.

Điều 25. Huy động xe ưu tiên, người và phương tiện của quân đội, của tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam để tham gia chữa cháy

1. Người và phương tiện của quân đội khi không làm nhiệm vụ khẩn cấp đều có thể được huy động để chữa cháy và phục vụ chữa cháy. Người chỉ huy đơn vị quân đội khi nhận được lệnh huy động lực lượng và phương tiện để chữa cháy và phục vụ chữa cháy phải chấp hành ngay hoặc báo cáo ngay lên cấp có thẩm quyền để tổ chức thực hiện.

2. Không huy động các loại xe sau đây để chữa cháy và phục vụ chữa cháy:

- a) Xe quân sự, xe Công an đi làm nhiệm vụ khẩn cấp.
- b) Xe cứu thương đang thực hiện nhiệm vụ cấp cứu.
- c) Xe hộ đê, xe đang làm nhiệm vụ khắc phục sự cố thiên tai hoặc tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật.
- d) Đoàn xe có Cảnh sát dẫn đường.
- đ) Đoàn xe tang.
- e) Các xe ưu tiên khác theo quy định của pháp luật.

3. Người và phương tiện của tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam đều có thể được huy động để chữa cháy và phục vụ chữa cháy trừ những tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ theo quy định của pháp luật.

Bộ Ngoại giao có trách nhiệm thông báo cho Bộ Công an về những tổ chức quốc tế; tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ.

Điều 26. Ưu tiên và bảo đảm quyền ưu tiên cho người và phương tiện được huy động chữa cháy và tham gia chữa cháy

1. Các xe, tàu, máy bay và các phương tiện giao thông khác của lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy khi đi chữa cháy và phục vụ chữa cháy được sử dụng tín hiệu ưu tiên, quyền ưu tiên lưu thông và các quyền ưu tiên khác theo quy định của pháp luật.

Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, phương tiện thủy nội địa của cơ quan, tổ chức và cá nhân được huy động làm nhiệm vụ chữa cháy được hưởng quyền ưu tiên quy định tại điểm b khoản 2 Điều 36 Luật Phòng cháy và chữa cháy và được ưu tiên qua cầu, phà và được miễn phí lưu thông trên đường.

2. Người được huy động làm nhiệm vụ chữa cháy khi xuất trình lệnh huy động hoặc thông báo về yêu cầu huy động của người có thẩm quyền huy động

(trong trường hợp lệnh huy động bằng lời nói) thì chủ phương tiện hoặc người điều khiển phương tiện giao thông hoặc những người có trách nhiệm liên quan giải quyết đi ngay trong thời gian sớm nhất.

Điều 27. Tình thế cấp thiết được sử dụng quyền quyết định phá, dỡ nhà, công trình, vật chướng ngại và di chuyển tài sản khi chữa cháy

Người chỉ huy chữa cháy thuộc lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy được thực hiện quyền quyết định phá, dỡ nhà, công trình, vật chướng ngại và di chuyển tài sản quy định tại điểm d khoản 1 Điều 38 Luật Phòng cháy và chữa cháy trong những tình thế cấp thiết sau đây:

1. Có người đang bị mắc kẹt trong đám cháy hoặc đám cháy đang trực tiếp đe dọa tính mạng của nhiều người.

2. Đám cháy có nguy cơ trực tiếp dẫn đến nổ, độc; nguy cơ tác động xấu đến môi trường; nguy cơ gây hậu quả nghiêm trọng về người và tài sản; khả năng gây tác động ảnh hưởng xấu về chính trị nếu không có các biện pháp ngăn chặn kịp thời.

3. Nhà, công trình, vật chướng ngại cản trở việc triển khai chữa cháy mà không có cách nào khác để chữa cháy đạt hiệu quả cao hơn.

Điều 28. Hoàn trả và bồi thường thiệt hại phương tiện, tài sản được huy động để chữa cháy

Phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân được huy động để chữa cháy và phục vụ chữa cháy phải được hoàn trả ngay sau khi kết thúc chữa cháy. Trường hợp phương tiện, tài sản được huy động mà bị tổn hao; nhà, công trình bị phá dỡ theo quy định tại các điểm c, d khoản 1 Điều 38 Luật Phòng cháy và chữa cháy thì được bồi thường thiệt hại.

Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung quy định tại Điều này.

Điều 29. Chữa cháy trụ sở cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế và nhà ở của các thành viên các cơ quan này

1. Lực lượng phòng cháy và chữa cháy của Việt Nam được phép vào trụ sở của các cơ quan sau đây để chữa cháy khi có yêu cầu hoặc có sự đồng ý của người đứng đầu hoặc người được ủy quyền của các cơ quan đó:

a) Trụ sở của cơ quan đại diện ngoại giao.

b) Trụ sở của cơ quan lãnh sự của những nước ký kết với Việt Nam hiệp định lãnh sự trong đó có quy định lực lượng phòng cháy và chữa cháy của Việt Nam được phép vào để chữa cháy khi có yêu cầu hoặc có sự đồng ý của người đứng đầu hoặc người được ủy quyền của các cơ quan đó.

c) Trụ sở cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc.

d) Trụ sở cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế liên Chính phủ ngoài hệ thống Liên hợp quốc, các đoàn thể của tổ chức quốc tế, nếu trong điều ước ký kết giữa Việt Nam và các tổ chức này có quy định lực lượng phòng cháy và

chữa cháy của Việt Nam được phép vào để chữa cháy khi có yêu cầu hoặc có sự đồng ý của người đứng đầu hoặc người được ủy quyền của các cơ quan đó.

2. Lực lượng phòng cháy và chữa cháy của Việt Nam được vào trụ sở cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế không quy định tại khoản 1 Điều này để chữa cháy mà không cần có yêu cầu hoặc có sự đồng ý của người đứng đầu hoặc người được ủy quyền của cơ quan.

3. Lực lượng phòng cháy và chữa cháy của Việt Nam được phép vào nhà ở của những người sau đây để chữa cháy khi có yêu cầu hoặc có sự đồng ý của những người đó:

a) Nhà ở của viên chức ngoại giao, thành viên gia đình của viên chức ngoại giao không phải là công dân Việt Nam; nhân viên hành chính, kỹ thuật và thành viên gia đình họ không phải là công dân Việt Nam hoặc không phải là người thường trú tại Việt Nam.

b) Nhà ở của viên chức lãnh sự không phải là công dân Việt Nam hoặc không phải là người thường trú tại Việt Nam; nếu trong hiệp định lãnh sự giữa Việt Nam và nước cử lãnh sự có quy định lực lượng phòng cháy và chữa cháy của Việt Nam được phép vào để chữa cháy khi có yêu cầu hoặc có sự đồng ý của những người đó.

4. Lực lượng phòng cháy và chữa cháy của Việt Nam được vào nhà ở của các thành viên các cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của các tổ chức quốc tế không thuộc đối tượng được quy định tại khoản 3 Điều này để chữa cháy mà không cần có yêu cầu hoặc có sự đồng ý của các thành viên đó.

5. Bộ Ngoại giao thông báo cho Bộ Công an về các đối tượng được quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 và điểm b khoản 3 Điều này.

Điều 30. Cờ hiệu, biển báo và băng sử dụng trong chữa cháy

1. Cờ hiệu, biển báo và băng sử dụng trong chữa cháy, gồm:

- a) Cờ hiệu chữa cháy; cờ hiệu ban chỉ huy chữa cháy.
- b) Băng chỉ huy chữa cháy.
- c) Biển báo, dải băng phân ranh giới khu vực chữa cháy.
- d) Biển cấm qua lại khu vực chữa cháy.

2. Quy cách cờ hiệu, biển báo và băng sử dụng trong chữa cháy quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này.

Chương IV LỰC LƯỢNG PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Điều 31. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng dân phòng

1. Công an cấp xã có trách nhiệm tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thành lập đội dân phòng trên cơ sở đề xuất của Trưởng thôn và trực tiếp chỉ đạo hoạt động của đội dân phòng. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

có trách nhiệm quyết định thành lập, ban hành quy chế hoạt động, bảo đảm kinh phí, nơi làm việc, trang bị phương tiện, bảo đảm các điều kiện cần thiết và duy trì hoạt động của đội dân phòng.

2. Bố trí lực lượng dân phòng

a) Đội dân phòng có biên chế từ 10 người đến 20 người, trong đó 01 đội trưởng và 01 đội phó; biên chế trên 20 người đến 30 người được biên chế thêm 01 đội phó. Đội dân phòng có thể được chia thành các tổ dân phòng; biên chế của tổ dân phòng từ 05 đến 10 người, trong đó có 01 tổ trưởng và 01 tổ phó;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định bổ nhiệm đội trưởng, đội phó đội dân phòng, tổ trưởng, tổ phó tổ dân phòng;

3. Cán bộ, đội viên đội dân phòng là những người thường xuyên có mặt tại nơi cư trú;

4. Cơ quan Công an có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy đối với lực lượng dân phòng.

5. Bộ Công an quy định việc trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho đội dân phòng.

Điều 32. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở và chuyên ngành

1. Người đứng đầu cơ sở có trách nhiệm thành lập đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở và trực tiếp duy trì hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách. Người đứng đầu cơ sở quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Phòng cháy và chữa cháy có trách nhiệm thành lập và duy trì đội phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành và trực tiếp duy trì hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.

Công ty kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao có trách nhiệm thành lập và trực tiếp duy trì hoạt động của đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý cơ sở có trách nhiệm quyết định thành lập, ban hành quy chế hoạt động, bảo đảm kinh phí, trang bị phương tiện, bảo đảm các điều kiện cần thiết và duy trì hoạt động của đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở, đội phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành.

3. Bố trí lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, chuyên ngành.

a) Cơ sở có dưới 10 người thường xuyên làm việc thì tất cả những người làm việc tại cơ sở đó là thành viên đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở và do người đứng đầu cơ sở chỉ huy, chỉ đạo;

b) Cơ sở có từ 10 người đến 50 người thường xuyên làm việc thì biên chế của đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở tối thiểu là 10 người, trong đó có 01 đội trưởng;

c) Cơ sở có trên 50 người đến 100 người thường xuyên làm việc thì biên chế của đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở tối thiểu là 15 người, trong đó có 01 đội trưởng và 01 đội phó;

d) Cơ sở có trên 100 người thường xuyên làm việc thì biên chế của đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở tối thiểu là 25 người, trong đó có 01 đội trưởng và 02 đội phó;

đ) Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ phòng cháy và chữa cháy cơ sở; biên chế của tổ phòng cháy và chữa cháy tối thiểu 05 người, do đội trưởng hoặc đội phó kiêm tổ trưởng;

e) Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ số của phương tiện chữa cháy cơ giới;

g) Đối với cơ sở được vận hành tự động không phải bố trí người thường xuyên trực tại chỗ thì không phải thành lập và duy trì lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở tại cơ sở đó. Người đứng đầu cơ sở phải chịu trách nhiệm duy trì và bảo đảm điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với cơ sở do mình quản lý.

4. Cơ quan Công an có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy đối với lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở và chuyên ngành.

Bộ Công an quy định việc trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở và chuyên ngành.

Điều 33. Phòng cháy và chữa cháy tình nguyện

1. Cá nhân tình nguyện tham gia hoạt động phòng cháy và chữa cháy phải đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tiếp nhận, lập danh sách gửi cơ quan Công an quản lý địa bàn.

Tổ chức tình nguyện tham gia hoạt động phòng cháy và chữa cháy phải đăng ký với cơ quan Công an quản lý địa bàn.

2. Tổ chức, cá nhân khi đã đăng ký tình nguyện tham gia hoạt động phòng cháy và chữa cháy phải thực hiện nhiệm vụ và chịu sự chỉ đạo của Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng, đội phòng cháy, chữa cháy cơ sở và chuyên ngành hoặc người có thẩm quyền khác theo quy định.

3. Chế độ, chính sách đối với cá nhân tình nguyện tham gia hoạt động phòng cháy và chữa cháy được áp dụng như cán bộ, đội viên đội dân phòng, đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở và chuyên ngành.

Điều 34. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy

1. Đối tượng huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ về phòng cháy và chữa cháy

a) Người có chức danh chỉ huy chữa cháy quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Phòng cháy và chữa cháy;

b) Cán bộ, đội viên đội dân phòng, đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở, đội phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành;

c) Cán bộ, đội viên đội phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành;

d) Người làm việc trong môi trường có nguy hiểm về cháy, nổ hoặc thường xuyên tiếp xúc với các chất, hàng nguy hiểm cháy, nổ;

đ) Người chỉ huy tàu thủy, tàu hỏa, tàu bay, người làm việc và phục vụ trên phương tiện giao thông cơ giới có từ 30 chỗ ngồi trở lên, trên phương tiện vận chuyển chất, hàng nguy hiểm cháy, nổ;

e) Người làm việc trong các cơ sở sản xuất, kinh doanh phương tiện phòng cháy và chữa cháy;

g) Các cá nhân khác có yêu cầu được huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy.

2. Nội dung huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ về phòng cháy và chữa cháy

a) Kiến thức pháp luật, kiến thức về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với từng đối tượng.

b) Phương pháp tuyên truyền, xây dựng phong trào quần chúng phòng cháy và chữa cháy.

c) Biện pháp phòng cháy; biện pháp, chiến thuật, kỹ thuật chữa cháy.

d) Phương pháp xây dựng và thực tập phương án chữa cháy.

đ) Phương pháp bảo quản, sử dụng các phương tiện phòng cháy và chữa cháy.

e) Phương pháp kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

3. Thời gian huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy

a) Thời gian huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ lần đầu: Từ 16 đến 24 giờ đối với đối tượng quy định tại điểm a, b, d, đ, e, g và từ 32 đến 48 giờ đối với đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

b) Thời gian huấn luyện lại để được cấp chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy sau khi giấy này hết thời hạn sử dụng tối thiểu là 16 giờ đối với các đối tượng quy định tại điểm a, b, d, đ, e, g và 32 giờ đối với đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

c) Thời gian bồi dưỡng bổ sung hàng năm về nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy tối thiểu 08 giờ đối với đối tượng quy định tại điểm a, b, d, đ, e, g và tối thiểu 16 giờ đối với đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

4. Trách nhiệm tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ về phòng cháy và chữa cháy.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở có trách nhiệm tổ chức các lớp huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Người đứng đầu cơ sở

đào tạo, dạy nghề có trách nhiệm đưa nội dung kiến thức phòng cháy và chữa cháy vào nội dung, chương trình đào tạo.

Trường hợp cơ quan, tổ chức, cơ sở không tự tổ chức được lớp huấn luyện hoặc cá nhân có nhu cầu được huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy thì phải có văn bản đề nghị cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tổ chức lớp huấn luyện. Kinh phí tổ chức lớp huấn luyện do cơ quan, tổ chức, cơ sở hoặc cá nhân tham gia lớp huấn luyện chịu trách nhiệm.

5. Hồ sơ đề nghị cấp chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy gửi cho cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy, cụ thể:

a) Đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở tự tổ chức lớp huấn luyện, hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị kiểm tra, cấp chứng nhận huấn luyện (Mẫu số PC30);
- Kế hoạch, chương trình nội dung huấn luyện;
- Danh sách trích ngang lý lịch của người đã dự lớp huấn luyện.

b) Đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở không tự tổ chức lớp huấn luyện, hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị tổ chức huấn luyện (Mẫu số PC14);
- Danh sách trích ngang lý lịch của người đăng ký dự lớp huấn luyện.

c) Cá nhân có nhu cầu được huấn luyện và xin cấp chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy phải nộp văn bản đăng ký dự lớp huấn luyện.

6. Thủ tục cấp, đổi, cấp lại chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy

a) Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này sau khi hoàn thành chương trình huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy, có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu thì được cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy có thẩm quyền cấp chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy);

b) Trường hợp chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy bị rách, cũ nát hoặc bị mất nhưng chưa hết thời hạn sử dụng thì phải có văn bản đề nghị xin đổi, cấp lại.

Thời gian cấp, đổi, cấp lại chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy là 05 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu hoặc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xin đổi, cấp lại.

7. Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy do Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh cấp và có giá trị sử dụng trên phạm vi cả nước trong thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp. Hết thời hạn này, phải huấn luyện lại để được cấp giấy chứng nhận mới.

Điều 35. Chế độ, chính sách đối với người tham gia chữa cháy và đối với cán bộ, đội viên đội dân phòng, đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở và chuyên ngành

1. Người được điều động, huy động trực tiếp chữa cháy và phục vụ chữa cháy theo lệnh triệu tập, huy động của người có thẩm quyền thì được hưởng chế độ như sau:

a) Nếu thời gian chữa cháy dưới 02 giờ được bồi dưỡng một khoản tiền bằng 0,5 ngày lương cơ sở.

b) Nếu thời gian chữa cháy từ 02 giờ đến dưới 04 giờ được bồi dưỡng một khoản tiền bằng 0,75 ngày lương cơ sở.

c) Nếu thời gian chữa cháy từ 04 giờ trở lên hoặc chữa cháy nhiều ngày thì cứ 04 giờ được bồi dưỡng một khoản tiền bằng 01 ngày lương cơ sở. Nếu tham gia chữa cháy vào ban đêm từ 22 giờ đến 6 giờ sáng thì được tính gấp 2 lần theo cách tính trên.

d) Trường hợp bị tai nạn, bị thương được thanh toán tiền khám bệnh, chữa bệnh; bị tai nạn làm suy giảm khả năng lao động theo kết luận của Hội đồng giám định y khoa thì được xét trợ cấp tùy theo mức độ suy giảm khả năng lao động; bị chết thì được hưởng trợ cấp tiền tuất, tiền mai táng phí. Những khoản chi chế độ nêu trên do tổ chức bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế chi trả theo quy định; nếu người đó chưa tham gia bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội thì do ngân sách địa phương hoặc cơ quan, tổ chức quản lý bảo đảm.

đ) Trường hợp bị thương thuộc một trong các trường hợp quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng thì được xét hưởng chính sách thương binh hoặc như thương binh.

e) Trường hợp bị chết thuộc một trong các trường hợp quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng thì được xét công nhận là liệt sỹ.

2. Căn cứ điều kiện cụ thể của từng địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức hỗ trợ thường xuyên cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng nhưng không thấp hơn 25% lương cơ sở.

3. Đội trưởng, Đội phó đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở không chuyên trách ngoài việc được hưởng nguyên lương và các khoản phụ cấp khác (nếu có) còn được hưởng hỗ trợ thường xuyên do cơ quan, tổ chức quản lý chi trả. Căn cứ vào điều kiện thực tế, người đứng đầu cơ quan, tổ chức quyết định, mức hỗ trợ cho từng chức danh nhưng không thấp hơn hệ số 0,3 lương cơ sở.

4. Cán bộ, đội viên đội dân phòng khi tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy, mỗi ngày được hưởng trợ cấp một khoản tiền bằng 1,5 ngày lương cơ sở; cán bộ, đội viên đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở và chuyên ngành trong thời gian tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy được nghỉ làm việc, hưởng nguyên lương và các khoản phụ cấp khác (nếu có) và mỗi ngày được hưởng một khoản tiền bồi dưỡng bằng 0,5 ngày lương.

5. Đối tượng quy định tại khoản 4 Điều này khi tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy nếu bị tai nạn, tổn hại sức khỏe hoặc bị chết thì được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội; trường hợp chưa tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc thì do ngân sách địa phương hoặc cơ quan, tổ chức quản lý bảo đảm.

Điều 36. Điều động lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở và chuyên ngành tham gia các hoạt động phòng cháy và chữa cháy

1. Thẩm quyền điều động lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở và chuyên ngành tham gia các hoạt động phòng cháy và chữa cháy được quy định như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, người đứng đầu cơ quan, tổ chức được điều động đội dân phòng, đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở và chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của mình.

b) Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh, Trưởng Công an cấp huyện được điều động lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở và chuyên ngành trong phạm vi địa bàn quản lý của mình.

c) Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được điều động lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở và chuyên ngành trong phạm vi cả nước.

2. Khi nhận được quyết định điều động tham gia hoạt động phòng cháy và chữa cháy thì người có thẩm quyền quản lý lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở và chuyên ngành phải chấp hành.

3. Thủ tục điều động lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở và chuyên ngành tham gia hoạt động phòng cháy và chữa cháy

a) Đội dân phòng, đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở, đội phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành khi được điều động tham gia tuyên truyền, mít tinh, diễu hành, hội thao về phòng cháy và chữa cháy, thực tập phương án chữa cháy; tham gia khắc phục nguy cơ phát sinh cháy, nổ; khắc phục hậu quả vụ cháy và những hoạt động phòng cháy và chữa cháy khác phải có trách nhiệm thực hiện theo yêu cầu của người có thẩm quyền.

b) Thủ tục điều động lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành tham gia hoạt động phòng cháy và chữa cháy phải có quyết định bằng văn bản (Mẫu số PC13); trong trường hợp khẩn cấp thì được điều động bằng lời nói, nhưng chậm nhất không quá 03 ngày làm việc phải có quyết định bằng văn bản. Khi điều động bằng lời nói, người điều động phải xưng rõ họ tên, chức vụ, đơn vị công tác, địa chỉ, số điện thoại liên lạc và nêu rõ yêu cầu về số lượng người cần điều động, thời gian, địa điểm có mặt và nội dung hoạt động.

c) Quyết định điều động được gửi cho đối tượng có nghĩa vụ chấp hành và lưu hồ sơ.

Điều 37. Chế độ, chính sách đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ thuộc lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy

Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ thuộc lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy ngoài việc được hưởng chế độ, chính sách theo quy định đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Cảnh sát nhân dân còn được hưởng các chế độ định lượng ăn cao, bồi dưỡng khi tập luyện, khi chữa cháy; được hưởng chế độ theo danh mục ngành, nghề đặc biệt nặng nhọc, nguy hiểm, độc hại theo quy định của Nhà nước. Công nhân viên thuộc lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy được hưởng chế độ, chính sách như đối với công nhân viên Công an.

Chương V PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Điều 38. Phương tiện phòng cháy và chữa cháy

1. Phương tiện phòng cháy và chữa cháy gồm phương tiện cơ giới, thiết bị, máy móc, dụng cụ, hóa chất, công cụ hỗ trợ chuyên dùng cho việc phòng cháy và chữa cháy, cứu người, cứu tài sản được quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Phương tiện chữa cháy cơ giới của lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy gồm xe, tàu, máy bay chữa cháy.

3. Xe chữa cháy của lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy gồm xe phun chất chữa cháy, xe chở lực lượng và phương tiện chữa cháy, xe chở nước, xe thang chữa cháy và các phương tiện giao thông cơ giới khác sử dụng vào mục đích chữa cháy và phục vụ chữa cháy.

4. Phương tiện phòng cháy và chữa cháy sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Bảo đảm về các thông số kỹ thuật theo thiết kế phục vụ cho phòng cháy và chữa cháy.

b) Phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc tế được phép áp dụng tại Việt Nam.

Điều 39. Kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy

1. Kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy là việc cơ quan Công an có thẩm quyền đánh giá, xác nhận sự phù hợp của phương tiện phòng cháy, chữa cháy với yêu cầu quy định trong các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc các yêu cầu về bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy tương ứng theo quy định.

2. Phương tiện phòng cháy và chữa cháy quy định từ mục 1 đến mục 8 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này sản xuất mới, lắp ráp, hoán cải trong nước hoặc nhập khẩu, trước khi đưa vào lưu thông phải được cơ quan Công an có thẩm quyền kiểm định.

3. Nội dung kiểm định

- a) Kiểm định chủng loại, mẫu mã phương tiện phòng cháy và chữa cháy;
- b) Kiểm định thông số kỹ thuật liên quan đến chất lượng phương tiện.

4. Hồ sơ đề nghị kiểm định

a) Văn bản đề nghị kiểm định phương tiện của đơn vị trực tiếp sản xuất, lắp ráp, hoán cải hoặc nhập khẩu phương tiện phòng cháy và chữa cháy (Mẫu số PC24);

b) Giấy chứng nhận xuất xứ, xuất xưởng của phương tiện;

c) Chứng nhận chất lượng của phương tiện (nếu có);

d) Các tài liệu kỹ thuật của phương tiện đề nghị kiểm định;

đ) Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy của đơn vị đề nghị kiểm định, đơn vị tư vấn kiểm định.

e) Biên bản thử nghiệm của tổ chức tư vấn kiểm định phương tiện kỹ thuật về phòng cháy, chữa cháy có các phòng thí nghiệm đạt chuẩn theo quy định (nếu có).

Văn bản, giấy tờ có trong hồ sơ là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ đối chiếu theo quy định của pháp luật. Hồ sơ đề nghị kiểm định nếu bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch ra tiếng Việt. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị kiểm định phải chịu trách nhiệm về tính pháp lý của bản dịch đó.

5. Trình tự, thủ tục nộp, tiếp nhận, giải quyết hồ sơ đề nghị kiểm định

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị kiểm định quy định tại khoản 4 Điều này cho cơ quan Công an có thẩm quyền kiểm định và chuẩn bị mẫu kiểm định theo đề nghị của cơ quan kiểm định. Người được cơ quan, tổ chức cử đến liên hệ nộp hồ sơ phải có giấy giới thiệu hoặc giấy ủy quyền, xuất trình thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng.

b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung hồ sơ đề nghị kiểm định và thực hiện theo trình tự sau:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì tiếp nhận và ghi thông tin vào 02 bản Phiếu tiếp nhận hồ sơ (Mẫu số PC10), 01 bản trả cho người nộp hồ sơ và lưu 01 bản. Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc bộ phận hành chính công thì gửi Phiếu tiếp nhận hồ sơ đến địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi hồ sơ trước đó;

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định và ghi thông tin vào Phiếu hướng dẫn, bổ sung hồ sơ (Mẫu số PC29) và giao cho người đến nộp hồ sơ. Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc bộ phận hành chính công thì gửi Phiếu hướng dẫn, bổ sung hồ sơ đến địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi hồ sơ trước đó;

- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì không tiếp nhận, phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

c) Chậm nhất không quá 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ kèm theo mẫu phương tiện đề nghị kiểm định và cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị kiểm định đã hoàn thành việc nộp phí kiểm định theo quy định, cơ quan Công an có thẩm quyền có trách nhiệm trả kết quả kiểm định.

Đối với các phương tiện khi kiểm định phải thực hiện lắp đặt hệ thống đồng bộ phương tiện mới kiểm định được, khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị kiểm định phải thông nhất và thông báo cụ thể với cơ quan Công an có thẩm quyền về thời gian hoàn thành việc lắp đặt hệ thống đồng bộ phương tiện để thực hiện kiểm định. Đối với các phương tiện có yêu cầu thử nghiệm theo quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan Công an phải thông báo thời gian hoàn thành các yêu cầu thử nghiệm đó. Thời gian lắp đặt hệ thống đồng bộ phương tiện không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính nêu trên.

Mỗi phương tiện phòng cháy và chữa cháy chỉ thực hiện kiểm định một lần và được cấp giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (Mẫu số PC26) và dán tem kiểm định (Mẫu số PC27).

6. Phương thức kiểm định

a) Kiểm tra số lượng, nguồn gốc xuất xứ, thời gian sản xuất, số sêri và các thông số kỹ thuật của phương tiện;

b) Kiểm tra chủng loại, mẫu mã phương tiện;

c) Kiểm tra, thử nghiệm, thực nghiệm theo phương pháp lấy mẫu xác suất; đối với mỗi lô hàng cùng chủng loại, mẫu mã tiến hành kiểm định không quá 5% số lượng phương tiện cần kiểm định, nhưng không ít hơn 10 mẫu; trường hợp kiểm định dưới 10 phương tiện thì kiểm định toàn bộ.

c) Đánh giá kết quả và lập biên bản kiểm định phương tiện (Mẫu số PC25).

7. Phân cấp kiểm định, cấp giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

a) Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thực hiện kiểm định, cấp giấy chứng nhận kiểm định đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy quy định từ mục 1 đến mục 8 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh được Bộ Công an giao nhiệm vụ kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thực hiện kiểm định, cấp giấy chứng nhận kiểm định đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ quy định tại các mục 2, 5, 6 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có trụ sở đóng trên địa bàn quản lý và các loại

phương tiện phòng cháy và chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khác do Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có văn bản ủy quyền kiểm định;

c) Các tổ chức tư vấn kiểm định phương tiện kỹ thuật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có các phòng thí nghiệm đạt chuẩn theo quy định có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ và tổ chức thử nghiệm, đánh giá chất lượng theo các thông số kỹ thuật của phương tiện; kết quả này là cơ sở để cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có thẩm quyền xem xét, cấp giấy chứng nhận kiểm định.

Điều 40. Trang bị phương tiện cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy

Lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy được trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy và các phương tiện, thiết bị khác bảo đảm về số lượng và chất lượng, đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phòng cháy, chữa cháy, cứu người trong mọi tình huống và trong mọi lĩnh vực, phù hợp với khả năng ngân sách nhà nước.

Bộ Công an quy định định mức, tiêu chuẩn trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy.

Điều 41. Quản lý và sử dụng phương tiện phòng cháy và chữa cháy

1. Phương tiện phòng cháy và chữa cháy phải được quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa theo đúng quy định và bảo đảm sẵn sàng chữa cháy. Phương tiện chữa cháy cơ giới còn được sử dụng vào các mục đích sau đây:

- a) Tham gia công tác bảo đảm an ninh chính trị.
- b) Tham gia công tác bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.
- c) Cấp cứu người bị nạn; xử lý tai nạn khẩn cấp.
- d) Chống thiên tai và khắc phục hậu quả thiên tai.

2. Bộ trưởng Bộ Công an hoặc người được ủy quyền, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi quản lý của mình có quyền điều động phương tiện chữa cháy cơ giới sử dụng vào mục đích quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh, Trưởng Công an cấp huyện trong phạm vi quản lý của mình có quyền điều động phương tiện chữa cháy cơ giới sử dụng vào mục đích quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này.

4. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong phạm vi quản lý của mình có quyền điều động phương tiện chữa cháy cơ giới sử dụng vào mục đích quy định tại các điểm c, d khoản 1 Điều này.

5. Bộ Công an quy định chế độ quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện phòng cháy và chữa cháy và hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương thực hiện.

Chương VI

KINH DOANH DỊCH VỤ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Điều 42. Điều kiện đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy

1. Người đứng đầu doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của cơ sở phải có văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức về phòng cháy và chữa cháy.

Người đứng đầu doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của cơ sở là người có tên tại một trong các văn bản sau: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Giấy phép hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam; Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; văn bản thành lập hoặc cho phép hoạt động kèm theo văn bản thông báo mã số thuế đối với đơn vị sự nghiệp có thu.

Trường hợp người đại diện theo pháp luật của cơ sở, doanh nghiệp là người nước ngoài, đã có văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức về phòng cháy và chữa cháy hoặc chứng chỉ hành nghề về phòng cháy và chữa cháy do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp thì phải có văn bản hợp pháp hóa lãnh sự.

2. Có địa điểm hoạt động; phương tiện, thiết bị, địa điểm bảo đảm thực hiện hoạt động kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy.

3. Đối với cơ sở kinh doanh về tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, tư vấn kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy, ngoài quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, phải có cá nhân đủ điều kiện hành nghề dịch vụ phòng cháy và chữa cháy, cụ thể:

a) Có ít nhất 01 cá nhân có chứng chỉ hành nghề tư vấn thiết kế; tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại điểm b, c khoản 3 Điều 44 Nghị định này.

b) Có ít nhất 01 cá nhân đảm nhiệm chức danh chủ trì thiết kế, thẩm định, giám sát, kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại khoản 4 Điều 44 Nghị định này.

4. Đối với cơ sở kinh doanh về hoạt động tư vấn chuyển giao công nghệ phòng cháy và chữa cháy; huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy, ngoài quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, phải có ít nhất 01 người có trình độ đại học chuyên ngành về phòng cháy và chữa cháy hoặc trình

độ đại học chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực kinh doanh và được cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức về phòng cháy và chữa cháy.

5. Đối với cơ sở thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy, ngoài quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, phải có ít nhất 01 chỉ huy trưởng thi công được cấp chứng chỉ hành nghề chỉ huy thi công về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại điểm d, khoản 3 Điều 44 Nghị định này.

6. Đối với cơ sở sản xuất, lắp ráp phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy, ngoài quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, phải có ít nhất 01 người có trình độ đại học chuyên ngành về phòng cháy và chữa cháy hoặc trình độ đại học chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực kinh doanh và được cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức về phòng cháy và chữa cháy.

7. Đối với cơ sở kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy, ngoài quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, phải có ít nhất 01 người có văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức về phòng cháy và chữa cháy.

Điều 43. Điều kiện đối với cá nhân hành nghề dịch vụ phòng cháy và chữa cháy

Cá nhân được phép hành nghề dịch vụ phòng cháy và chữa cháy khi đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có văn bằng hoặc chứng chỉ hành nghề về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với hoạt động kinh doanh.

2. Hoạt động cho một doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy.

Điều 44. Văn bằng, chứng chỉ về phòng cháy và chữa cháy và điều kiện đảm nhiệm chức danh chủ trì thiết kế, thẩm định, kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy

1. Văn bằng về phòng cháy và chữa cháy:

a) Bằng đại học chuyên ngành về phòng cháy và chữa cháy.

b) Bằng cao đẳng chuyên ngành về phòng cháy và chữa cháy.

c) Bằng trung cấp chuyên ngành về phòng cháy và chữa cháy.

2. Chứng chỉ về phòng cháy và chữa cháy:

a) Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức về phòng cháy và chữa cháy.

b) Chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy:

- Chứng chỉ hành nghề tư vấn thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.

- Chứng chỉ hành nghề tư vấn thẩm định về phòng cháy và chữa cháy.

- Chứng chỉ hành nghề tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy.

- Chứng chỉ hành nghề tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy

và chữa cháy.

- Chứng chỉ hành nghề chỉ huy thi công về phòng cháy và chữa cháy.

3. Điều kiện cấp chứng chỉ về phòng cháy và chữa cháy:

a) Cá nhân để được cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức về phòng cháy và chữa cháy phải qua bồi dưỡng kiến thức về phòng cháy và chữa cháy.

Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức về phòng cháy và chữa cháy do cơ sở có chức năng đào tạo nghiệp vụ về phòng cháy và chữa cháy cấp và có giá trị sử dụng trên phạm vi toàn quốc. Bộ Công an quy định về nội dung, thời lượng bồi dưỡng kiến thức về phòng cháy và chữa cháy.

b) Cá nhân để được cấp chứng chỉ hành nghề tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy phải đáp ứng yêu cầu sau:

- Có trình độ đại học về phòng cháy và chữa cháy hoặc trình độ đại học chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực hoạt động tư vấn và đã được cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức về phòng cháy và chữa cháy;

- Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn thiết kế hoặc tư vấn thẩm định hoặc tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy và đã tham gia thực hiện thiết kế ít nhất 05 công trình.

c) Cá nhân để được cấp chứng chỉ hành nghề tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy phải đáp ứng yêu cầu sau:

- Có trình độ trung cấp về phòng cháy và chữa cháy trở lên hoặc trình độ chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực hoạt động tư vấn giám sát và đã được cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức về phòng cháy và chữa cháy;

- Có ít nhất 03 năm kinh nghiệm tham gia thiết kế hoặc thi công hoặc giám sát thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy, đã qua bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát thi công.

d) Cá nhân để được cấp chứng chỉ hành nghề chỉ huy thi công về phòng cháy và chữa cháy phải đáp ứng yêu cầu sau:

- Có trình độ trung cấp về phòng cháy và chữa cháy trở lên hoặc trình độ chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực hoạt động và đã được cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức về phòng cháy và chữa cháy;

- Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy.

4. Cá nhân đảm nhiệm chức danh chủ trì thiết kế, thẩm định, kiểm tra, giám sát, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có chứng chỉ hành nghề tư vấn thiết kế hoặc tư vấn thẩm định, tư vấn kiểm tra, giám sát, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

b) Đã thực hiện tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn kiểm tra, giám sát, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy ít nhất 03 công trình.

5. Chuyên ngành phù hợp quy định tại Điều 42 và Điều này bao gồm các mã ngành: Kiến trúc và quy hoạch; xây dựng; quản lý xây dựng; công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng; công nghệ kỹ thuật cơ khí; công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông; kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật; kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông; máy tính và công nghệ thông tin theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 45. Chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy

1. Hồ sơ đề nghị cấp, đổi, cấp lại chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy, gồm 01 bộ, cụ thể:

a) Văn bản đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy kèm theo bản khai kinh nghiệm công tác chuyên môn có liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề tư vấn (Mẫu số PC17);

b) Văn bằng, chứng chỉ có liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy.

c) 02 ảnh màu, cỡ 3x4 cm.

Các văn bản, giấy tờ trong hồ sơ khi gửi cơ quan Công an là bản sao có công chứng, chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu.

2. Trình tự, thủ tục nộp, tiếp nhận và giải quyết hồ sơ

a) Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này cho cơ quan của người có thẩm quyền. Người được cử đến liên hệ nộp hồ sơ phải có giấy giới thiệu hoặc giấy ủy quyền, xuất trình thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng.

b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung hồ sơ đề nghị và thực hiện theo trình tự sau:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì tiếp nhận và ghi thông tin vào 02 bản Phiếu tiếp nhận hồ sơ (Mẫu số PC10), 01 bản trả cho người nộp hồ sơ và lưu 01 bản. Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc bộ phận hành chính công thì gửi Phiếu tiếp nhận hồ sơ đến địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi hồ sơ trước đó;

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định và ghi thông tin vào Phiếu hướng dẫn, bổ sung hồ sơ (Mẫu số PC29) và giao cho người đến nộp hồ sơ. Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc bộ phận hành chính công thì gửi Phiếu hướng dẫn, bổ sung hồ sơ đến địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi hồ sơ trước đó;

- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì không tiếp nhận, phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có trách nhiệm xem xét cấp chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy cho cá nhân (Mẫu số PC18).

d) Chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy được cấp lại trong trường hợp chứng chỉ hết thời hạn sử dụng hoặc bị mất, hư hỏng; hoặc cấp đổi chứng chỉ khi cá nhân đề nghị bổ sung nội dung hành nghề tư vấn mới. Trường hợp cấp đổi chứng chỉ hành nghề tư vấn, cá nhân phải nộp lại chứng chỉ cũ đã cấp.

3. Chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy có giá trị sử dụng trên phạm vi toàn quốc và có thời hạn 05 năm, kể từ ngày cấp.

Điều 46. Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy

1. Hồ sơ đề nghị cấp, đổi, cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy bao gồm:

a) Văn bản đề nghị xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy (Mẫu số PC15).

b) Danh sách cá nhân có chứng chỉ về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với lĩnh vực kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy của doanh nghiệp, cơ sở; có kèm theo bản sao chứng chỉ và bản sao quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động của từng cá nhân.

c) Bản sao văn bằng chứng nhận về trình độ chuyên môn của cá nhân.

Các văn bản, giấy tờ trong hồ sơ khi gửi cơ quan Công an là bản sao có công chứng, chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu.

2. Trình tự, thủ tục nộp, tiếp nhận và giải quyết hồ sơ

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này cho cơ quan của người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này. Người được cơ quan, tổ chức cử đến liên hệ nộp hồ sơ phải có giấy giới thiệu hoặc giấy ủy quyền, xuất trình thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng.

b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung hồ sơ đề nghị và thực hiện theo trình tự sau:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì tiếp nhận và ghi thông tin vào 02 bản Phiếu tiếp nhận hồ sơ (Mẫu số PC10), 01 bản trả cho người nộp hồ sơ và lưu 01 bản. Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc bộ phận hành chính công thì gửi Phiếu tiếp nhận hồ sơ đến địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi hồ sơ trước đó;

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định và ghi thông tin vào Phiếu hướng dẫn, bổ sung hồ sơ (Mẫu số PC29) và giao cho người đến nộp hồ sơ. Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc bộ phận hành chính công thì gửi Phiếu hướng dẫn, bổ sung hồ sơ đến địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi hồ sơ trước đó;

- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì không tiếp nhận, phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy cấp, đổi, cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh, dịch vụ phòng cháy và chữa cháy cho doanh nghiệp, cơ sở (Mẫu số PC16). Trường hợp không đủ điều kiện để xác nhận thì cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

3. Thẩm quyền cấp, đổi, cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy

a) Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cấp, đổi, cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy cho doanh nghiệp, cơ sở thuộc các bộ, ngành ở Trung ương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

b) Trưởng phòng Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh cấp, đổi, cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy cho các doanh nghiệp, cơ sở ở địa phương và những trường hợp do Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ủy quyền.

4. Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy được cấp lại trong trường hợp do bị mất, hư hỏng; hoặc cấp đổi giấy xác nhận khi doanh nghiệp, cơ sở có sự thay đổi về tên gọi, người đứng đầu, người đại diện theo pháp luật hoặc thay đổi địa điểm, ngành, nghề kinh doanh dịch vụ về phòng cháy và chữa cháy.

5. Doanh nghiệp, cơ sở chỉ được tiến hành các hoạt động kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy sau khi được cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy.

Điều 47. Quản lý, sử dụng, thu hồi giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy

1. Người đứng đầu doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy có trách nhiệm quản lý giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy và phải xuất trình Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy cho cơ quan Công an và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu. Nghiêm cấm sửa chữa, tẩy xóa, mua bán, cho mượn, cho thuê giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy.

2. Khi doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh bị phá sản hoặc không còn kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy thì giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy không còn giá trị sử dụng; trường hợp

ngừng hoạt động thì trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày ngừng hoạt động, phải nộp lại giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy cho cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy đã cấp trước đó; trường hợp tạm ngừng hoạt động phải có văn bản thông báo cho cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy đã cấp trước đó biết về lý do, thời gian tạm ngừng hoạt động kinh doanh.

3. Trường hợp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy bị mất, hỏng; doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh có sự thay đổi về tên gọi, người đứng đầu, người đại diện theo pháp luật hoặc thay đổi địa điểm, ngành, nghề kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy thì doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh đó phải làm văn bản đề nghị gửi cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy đã cấp giấy xác nhận trước đó để cấp lại hoặc đổi giấy xác nhận mới.

4. Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh bị phá sản hoặc không còn kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy.

b) Không bảo đảm các điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy sau khi đã được cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Nghị định này.

Chương VII

ĐẦU TƯ CHO HOẠT ĐỘNG PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Điều 48. Sử dụng nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy

1. Nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy được sử dụng cho các nội dung sau đây:

a) Đầu tư cho hoạt động, cơ sở vật chất, trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy và các thiết bị của lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy.

b) Hỗ trợ hoạt động của lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở.

c) Hỗ trợ tuyên truyền và xây dựng phong trào quần chúng phòng cháy và chữa cháy.

d) Hỗ trợ khen thưởng trong công tác phòng cháy và chữa cháy.

đ) Hỗ trợ các hoạt động phòng cháy và chữa cháy khác.

2. Nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy được quản lý và sử dụng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 49. Ngân sách đầu tư cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy

1. Kinh phí bảo đảm cho các hoạt động phòng cháy và chữa cháy của lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy, các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang và các đơn vị khác thụ hưởng ngân sách nhà nước ở Trung ương và địa phương do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

Hàng năm Nhà nước bảo đảm và bố trí riêng ngân sách cho hoạt động của lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy; Bộ Công an lập kế hoạch ngân sách đầu tư cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy và giao Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thực hiện; Ủy ban nhân dân các cấp phải lập kế hoạch ngân sách quốc phòng và an ninh bảo đảm cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy của địa phương.

2. Cơ quan, tổ chức không thụ hưởng ngân sách nhà nước, hộ gia đình, cá nhân, tổ chức nước ngoài đóng trên lãnh thổ Việt Nam tự bảo đảm kinh phí cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy theo quy định.

3. Ngân sách nhà nước đầu tư cho hoạt động của lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy được sử dụng cho các nội dung sau:

a) Hoạt động thường xuyên của lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy.

b) Trang bị, đổi mới và hiện đại hóa phương tiện phòng cháy và chữa cháy và cơ sở vật chất kỹ thuật; nghiên cứu khoa học và công nghệ về phòng cháy và chữa cháy theo quy định.

4. Nội dung chi cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy trong ngân sách quốc phòng và an ninh của Ủy ban nhân dân các cấp bao gồm:

a) Hoạt động thường xuyên của lực lượng dân phòng; hỗ trợ thường xuyên cho Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng.

b) Mua sắm thiết bị bảo hộ, phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho lực lượng dân phòng.

Điều 50. Khuyến khích đầu tư cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy

1. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế đầu tư, tài trợ trong các lĩnh vực sau đây:

a) Hoạt động phòng cháy và chữa cháy.

b) Trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy.

c) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức phòng cháy và chữa cháy.

d) Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào hoạt động phòng cháy và chữa cháy.

2. Nhà nước khuyến khích nghiên cứu sản xuất, lắp ráp trong nước, xuất khẩu phương tiện phòng cháy và chữa cháy.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân sản xuất, lắp ráp phương tiện phòng cháy và chữa cháy trong nước, xuất khẩu, nhập khẩu phương tiện phòng cháy và chữa cháy được hưởng chính sách ưu đãi về thuế theo quy định của Nhà nước.

Chương VIII

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ, CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP TRONG HOẠT ĐỘNG PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Điều 51. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Bộ Công an tổ chức thực hiện công tác phòng cháy và chữa cháy và có nhiệm vụ cụ thể sau đây:

a) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các quy định về phòng cháy và chữa cháy trong phạm vi quản lý và thẩm quyền của mình.

b) Phối hợp với Bộ Công an tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

c) Tổ chức tuyên truyền, giáo dục pháp luật, hướng dẫn kiến thức về phòng cháy và chữa cháy; chỉ đạo xây dựng và duy trì phong trào quần chúng phòng cháy và chữa cháy.

d) Chỉ đạo việc đầu tư kinh phí cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy, trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy.

đ) Chỉ đạo về tổ chức chữa cháy và khắc phục hậu quả vụ cháy.

e) Bố trí lực lượng thực hiện nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy; thống kê, báo cáo Chính phủ và Bộ Công an về phòng cháy và chữa cháy.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Công an xây dựng nội dung, thời lượng bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ để lồng ghép vào chương trình giảng dạy, hoạt động ngoại khóa trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác phù hợp với từng cấp học, ngành học.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các cơ quan liên quan tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, hướng dẫn kiến thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

4. Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tiến hành rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và các quy hoạch thuộc phạm vi quản lý gắn với quy hoạch hạ tầng về phòng cháy và chữa cháy bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn; nghiên cứu sửa đổi, xây dựng, ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan đến phòng cháy và chữa cháy

đối với các loại hình công trình đặc thù hiện chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để áp dụng.

5. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công an quy định cụ thể về danh mục chi, định mức ngân sách chi trong nhiệm vụ quốc phòng - an ninh hàng năm của Ủy ban nhân dân các cấp phải có nội dung cho công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

6. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành khác tiến hành rà soát, sửa đổi, ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy; nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến trên thế giới trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Điều 52. Trách nhiệm của Bộ Công an

Bộ Công an có trách nhiệm thống nhất quản lý nhà nước về phòng cháy và chữa cháy trong phạm vi cả nước và thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

1. Đề xuất và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phòng cháy và chữa cháy trên phạm vi toàn quốc.

2. Đề xuất ban hành hoặc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về phòng cháy và chữa cháy; hướng dẫn, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc chấp hành các quy định về phòng cháy và chữa cháy.

3. Hướng dẫn, chỉ đạo tuyên truyền, giáo dục pháp luật, kiến thức về phòng cháy, chữa cháy, xây dựng phong trào quần chúng tham gia hoạt động phòng cháy, chữa cháy.

4. Thực hiện công tác quản lý về phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện giao thông cơ giới, rừng và cơ sở quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này; kiểm tra, thanh tra về phòng cháy và chữa cháy; giải quyết các khiếu nại, tố cáo có liên quan đến lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy trong phạm vi thẩm quyền.

Bộ Công an quy định việc phân cấp quản lý về phòng cháy và chữa cháy.

5. Thực hiện thẩm duyệt, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của chủ đầu tư, chủ phương tiện đối với các dự án, công trình xây dựng, các phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy; kiểm tra, kiểm định và chứng nhận phù hợp đối với thiết bị, phương tiện phòng cháy và chữa cháy, vật liệu chống cháy.

6. Thực hiện công tác điều tra, xử lý vụ cháy và xử lý các vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy.

7. Hướng dẫn, chỉ đạo việc tổ chức thường trực sẵn sàng chữa cháy, xây dựng và thực tập phương án chữa cháy; thực hiện nhiệm vụ cứu nạn, cứu hộ.

8. Xây dựng và tổ chức thực hiện dự án đầu tư trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy; ban hành và tổ chức thực hiện các quy định về trang bị, sử dụng phương tiện phòng cháy và chữa cháy.

9. Xây dựng lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy; tổ chức đào tạo cán bộ chuyên môn về phòng cháy và chữa cháy.

10. Tổ chức việc nghiên cứu, phổ biến và ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy.

11. Tổ chức hệ thống thông tin quản lý, chỉ huy điều hành hoạt động phòng cháy và chữa cháy.

12. Kiểm tra hoạt động bảo hiểm cháy, nổ gắn với hoạt động phòng cháy và chữa cháy.

13. Trình Chính phủ về việc tham gia các tổ chức quốc tế, ký kết hoặc tham gia các điều ước quốc tế về hoạt động phòng cháy và chữa cháy; thực hiện các hoạt động quốc tế liên quan đến hoạt động phòng cháy và chữa cháy theo thẩm quyền.

Điều 53. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về phòng cháy và chữa cháy ở địa phương và có nhiệm vụ cụ thể sau đây:

a) Ban hành các quy định về phòng cháy và chữa cháy tại địa phương.

b) Chỉ đạo, kiểm tra và tổ chức việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy tại địa phương; xử lý hành chính các hành vi vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy theo thẩm quyền.

c) Hướng dẫn, chỉ đạo tuyên truyền, giáo dục pháp luật, kiến thức về phòng cháy và chữa cháy cho nhân dân, xây dựng phong trào quần chúng phòng cháy và chữa cháy.

d) Đầu tư ngân sách cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy; trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy.

đ) Quy hoạch địa điểm, đề xuất cấp đất và xây dựng doanh trại cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy.

e) Chỉ đạo việc xây dựng và thực tập phương án chữa cháy cần huy động nhiều lực lượng, phương tiện tham gia.

g) Chỉ đạo tổ chức chữa cháy và khắc phục hậu quả vụ cháy.

h) Thống kê, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên, Chính phủ và Bộ Công an về phòng cháy và chữa cháy.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về phòng cháy và chữa cháy ở địa phương và có nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Quản lý về phòng cháy và chữa cháy đối với khu dân cư, hộ gia đình và các cơ sở quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

Công an cấp xã có trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức thực hiện công tác quản lý về phòng cháy và chữa cháy.

b) Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, giáo dục pháp luật, kiến thức về phòng cháy và chữa cháy; xây dựng phong trào quần chúng phòng cháy và chữa cháy.

c) Tổ chức quản lý đội dân phòng tại các thôn.

d) Đầu tư kinh phí cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy; trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy cho các đội dân phòng theo quy định.

đ) Bảo đảm điều kiện về thông tin báo cháy, đường giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy.

e) Chỉ đạo việc xây dựng và thực tập phương án chữa cháy.

g) Tổ chức chữa cháy và khắc phục hậu quả vụ cháy.

h) Thống kê, báo cáo về phòng cháy và chữa cháy lên Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 54. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2019 và thay thế Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy, chữa cháy.

2. Giấy phép vận chuyển chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ, Chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy, Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy, Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, các văn bản xác nhận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy đã được cấp theo quy định tại Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy, chữa cháy tiếp tục có giá trị sử dụng đến khi hết thời hạn theo quy định.

3. Bãi bỏ Biểu mẫu số 01 - “Đề nghị huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ” và Biểu mẫu số 03 - “Biên bản kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ” ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy.

Điều 55. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Xuân Phúc